

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



CTCP BAO BÌ BIÊN HÒA

Mục lục

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

01 Thông điệp từ Chủ tịch



03

03 Sức mệnh – Tầm nhìn

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

18 Tình hình hoạt động kinh doanh

20 Tổ chức và nhân sự

23 Số lượng cán bộ công nhân viên

24 Tình hình đầu tư thực hiện dự án

25 Tình hình tài chính

26 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



18

QUẢN TRỊ

38 Hoạt động của Hội đồng quản trị

39 Biên bản, Nghị quyết Hội đồng quản trị

42 Ban kiểm soát

43 Các khoản lợi ích của Ban quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

TỔNG QUAN CÔNG TY

04 Thông tin khái quát

05 Lịch sử hình thành và phát triển

08 Ngành nghề kinh doanh

09 Cơ cấu tổ chức

11 Định hướng phát triển

15 Rủi ro



04

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

27 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

32 Kế hoạch hoạt động trong năm 2015

33 Các giải pháp thực hiện năm 2015

35 Kế hoạch kinh doanh năm 2015-2018

36 Tóm tắt mục tiêu 2015



27

44 Giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

45 Thông tin về cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ cổ phiếu

46 Báo cáo tài chính kiểm toán 2014



“ *Đội ngũ Cán bộ công nhân viên Công ty CP Bao Bì Biên Hòa luôn có khát vọng và nỗ lực làm hết sức mình nhằm xây dựng SOVI thành một trong ba nhà cung cấp bao bì giấy hàng đầu Việt Nam.* ”

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Kinh tế xã hội Việt Nam năm 2014 vẫn diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Tuy vậy, Chính phủ đã nỗ lực ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng bền vững. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 là 5,98%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Về phía doanh nghiệp, đây là năm thứ 2 liên tiếp, SOVI vinh dự tiếp tục nằm trong TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes công bố. Đây là sự ghi nhận đáng khích lệ về thành quả mà Công ty đạt được trước những khó khăn chung của thị trường như yêu cầu của khách hàng ngày càng cao, giá nguyên liệu sản xuất đầu vào biến động mạnh và cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành. Kết quả kinh doanh 2015 đạt được như sau:

Sản lượng Bao bì carton đạt 61.480 tấn vượt 14% so với kế hoạch.

Doanh thu đạt 1.130.701 triệu đồng vượt 7,7% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 75.410 triệu đồng, vượt 0,55% so với kế hoạch.

Bước sang năm 2015, nhận thức rõ những khó khăn đặc biệt trong ngành bao bì carton khi cộng đồng kinh tế Asian được thành lập, sản phẩm giấy và giấy bao bì carton nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước trong khu vực sẽ được hưởng thuế suất 0%. Đây thật sự là một thách thức lớn cho các doanh nghiệp ngành in bao bì carton nói chung và SOVI nói riêng. Tuy vậy, với chiến lược phát triển bền vững, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có sự chuẩn bị trong việc đầu tư nhà máy hiện đại, không ngừng đổi mới công nghệ, điều chỉnh quy trình sản xuất kinh doanh theo hướng tự động hóa, nâng cao trình độ của nguồn nhân lực, đa dạng hóa đối tượng khách hàng để có thể tồn tại và phát triển trong thị trường cạnh tranh hiện nay.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cổ đông, tập thể CB-CNV và các đối tác luôn đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt trong thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự tín nhiệm của cổ đông, SOVI sẽ duy trì tăng trưởng ổn định, giữ vững niềm tin với cổ đông và nâng cao uy tín trên thị trường.

Xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành công tới Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP Bao Bì Biên Hòa.



LÊ QUỐC TUYẾN

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm Bao bì Giấy đảm bảo chất lượng với dịch vụ tốt nhất, áp dụng công nghệ tiên tiến, làm việc chuyên nghiệp, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp Bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI :

Coi trọng chữ tín – Liên tục cải tiến – Phát triển con người – Xây dựng cộng đồng.

TRIẾT LÍ KINH DOANH

*Coi trọng chữ “tín”
Liên tục cải tiến
Môi trường làm việc cởi mở, thân thiện
Tôn trọng pháp luật.*



“Đến năm 2020, SOVI là 1 trong 03 nhà cung cấp Bao bì Giấy hàng đầu của Việt Nam, có chất lượng đảm bảo, giá cả phù hợp và dịch vụ tốt nhất”

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Tên tiếng Anh	: BIEN HOA PACKAGING COMPANY
Giấy CNĐKDN	: 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng kí lần đầu ngày 14/08/2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/08/2013.
Vốn điều lệ	: 106.978.420.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	: 106.978.420.000 đồng
Địa chỉ	: KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, P.An Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
Số điện thoại	: (84 – 061) 3 836 121 – 3 836 122
Fax	: (84 – 061) 3 832 939
Website	: www.sovi.com.vn
Email	: sovi@sovi.com.vn
Mã cổ phiếu	: SVI



1968

ĐÁNH DẤU SỰ HÌNH THÀNH CỦA SOVI

Tiền thân là nhà máy sản xuất bao bì giấy gợn sóng đầu tiên tại miền Nam Việt Nam với công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, công suất thiết kế lên đến 4.000 tấn/năm.



2000

ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Tiếp nối những thành công trên, SOVI mạnh dạn đầu tư thêm phân xưởng sản xuất hộp giấy cao cấp với dây chuyền công nghệ in offset hiện đại của Ý, Thụy Sĩ, Nhật Bản.



1997

GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG

Tiến hành đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để nâng công suất lên 20.000 tấn/năm và chính thức trở thành nhà sản xuất bao bì carton gợn sóng hàng đầu của Việt Nam.



2003 - 2005

NÂNG CÔNG SUẤT

Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng, đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất đưa năng suất sản xuất Hộp giấy in offset lên 3.000 tấn/năm.



1978

GIAI ĐOẠN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Nhà máy được Nhà nước tiếp quản và chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh với tên là Nhà máy Bao bì Biên Hòa, và “SOVI” được lấy làm thương hiệu.



2003

THƯƠNG HIỆU SOVI

Nhà máy Bao bì Biên Hòa thực hiện chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp, đổi tên thành Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai. “SOVI” vẫn được duy trì là tên thương hiệu của công ty.



2005 - 2007

Đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton với diện tích 4,5 ha tại đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hòa, nâng tổng công suất thiết kế sản phẩm lên 40.000 tấn/năm. Triển khai Hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite.



2008 - 2009

SOVI tiếp tục đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton giai đoạn 1 tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương có công suất 30.000 tấn/năm, nâng công suất thiết kế sản xuất bao bì carton toàn công ty lên 75.000 tấn/năm.



2008 – 2009

ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng hộp giấy in offset lên công suất 5.000 tấn/năm.

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì carton giai đoạn 2 nâng công suất thiết kế sản phẩm lên 45.000 tấn/năm.



2012 - 2013

NIÊM YẾT TẠI HSX

Chuyển sang niêm yết tại SDGCK TP.HCM. Tăng VDL lên 106.978.420.000 đồng theo hình thức phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.



2008

NIÊM YẾT TẠI HNX

Công ty cổ phần Bao bì Biên Hòa niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



2012

Nhà máy bao bì carton ở Mỹ Phước, Bình Dương chính thức đi vào hoạt động với công suất giai đoạn đầu là 30.000 tấn sản phẩm/năm.

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



ĐẠT GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG CỦA UNILEVER

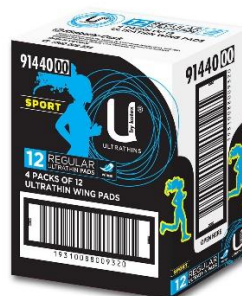
TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT
2014



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

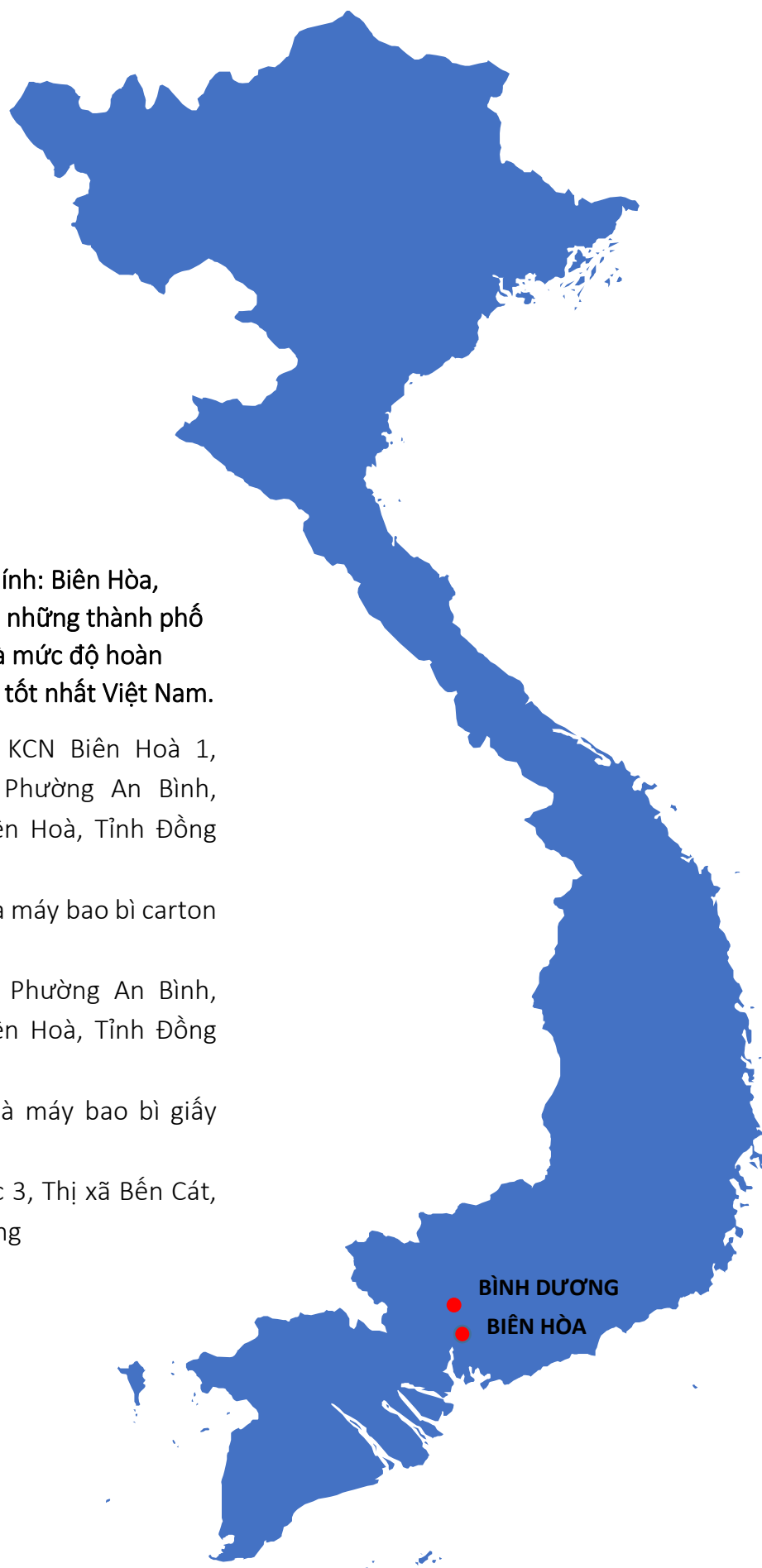
Ngành nghề kinh doanh:

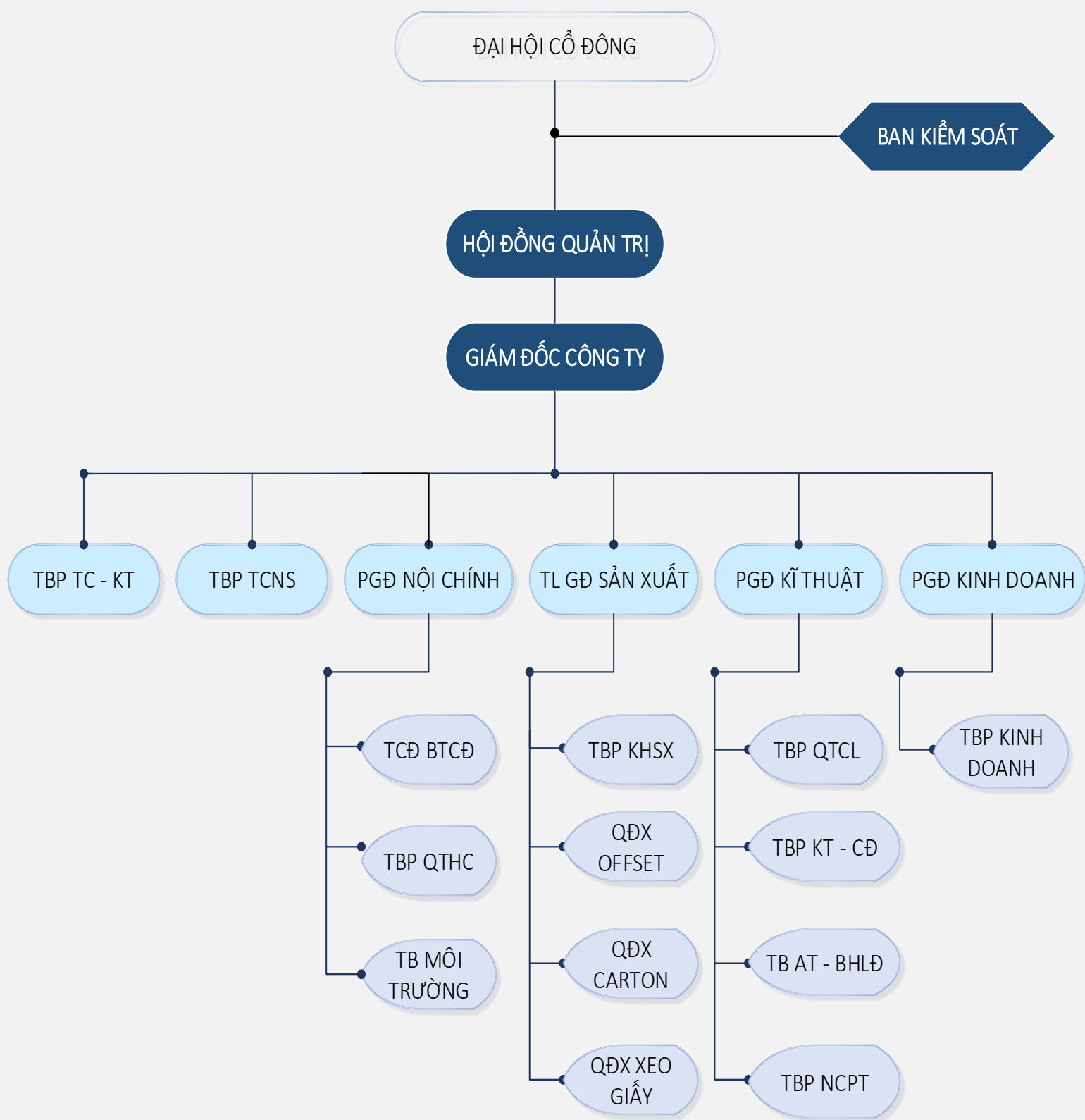
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì (sản xuất giấy);
- Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.



Địa bàn kinh doanh chính: Biên Hòa, Đồng Nai là một trong những thành phố có tốc độ phát triển và mức độ hoàn thiện về cơ sở hạ tầng tốt nhất Việt Nam.

- Trụ sở chính: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh: Nhà máy bao bì carton Biên Hòa.
Đường số 12, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh: Nhà máy bao bì giấy Bình Dương.
KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương





Chiến lược tăng trưởng

Tập trung khai thác điểm mạnh của Sovi và cơ hội hiện có để mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua các giải pháp:

- Đầu tư mới nhà máy bao bì carton – 30.000 tấn/năm tại khu vực miền Trung hoặc khu vực phía Bắc Việt Nam;
- Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất Nhà máy bao bì carton Bình Dương từ công suất 30.000 tấn/năm lên 45.000 tấn/năm;
- Đầu tư bổ sung và nâng cấp thiết bị nhằm đồng bộ hóa - tự động hóa dây chuyền sản xuất hiện có của nhà máy bao bì carton 45.000 tấn/năm tại Biên Hòa và nhà máy bao bì in offset lên 10.000 tấn/năm. Ngoài ra, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm định mức sử dụng nguyên vật liệu và tăng năng suất thiết bị;
- Duy trì và nâng cao thị phần của khách hàng chiến lược hiện có thông qua phân tích nhu cầu từng khách hàng và lợi thế cạnh tranh giữa SOVI – đối thủ cạnh tranh để tìm nguyên nhân, xác định giải pháp và chương trình cải tiến theo thứ tự phù hợp;
- Phát triển khách hàng chiến lược mới thông qua việc xác định cụ thể mong đợi từng khách hàng mà Công ty hướng đến, phân tích lợi thế cạnh tranh giữa SOVI - đối thủ cạnh tranh để tìm nguyên nhân, xác định các giải pháp chương trình chào hàng – bán hàng có tính khả thi cao.

Chiến lược dẫn đầu về dịch vụ khách hàng

Cải tiến dịch vụ chăm sóc khách hàng và coi đây chính là một trong lợi thế nhất của Sovi so với đối thủ cạnh tranh. Theo đó, Sovi thực hiện đồng loạt các giải pháp sau:

- Nâng cao tỷ lệ giao hàng đúng hạn – đủ số lượng, chất lượng lên 99%, giải quyết khiếu nại kịp thời, tư vấn thiết kế sản phẩm hiệu quả, làm mẫu nhanh – chính xác, linh hoạt trong công việc, luôn tôn trọng, lắng nghe và giải quyết kịp thời các mong đợi của khách hàng;
- Nâng cao trách nhiệm bộ phận, cá nhân trong việc chủ trì, phối hợp cung cấp các dịch vụ khách hàng. Tiến hành phân tích đánh giá chất lượng các dịch vụ của Sovi so với đối thủ cạnh tranh và nhu cầu khách hàng. Trên cơ sở đó xác định mục tiêu và chương trình cải tiến từng giai đoạn;
- Tổ chức thực hiện chương trình, theo dõi – giám sát kiểm tra định kỳ cũng như thu thập thông tin từ khách hàng và đối thủ cạnh tranh để có điều chỉnh, cải tiến nhằm đạt mục tiêu mong muốn.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và tác nghiệp

Nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phù hợp, có đủ hệ thống văn bản để quản lý và tác nghiệp hiệu quả, đồng thời cũng đảm bảo cơ chế kích thích và chế tài cần thiết để đạt mục tiêu trong từng giai đoạn, Sovi thực hiện các giải pháp :

- Xây dựng chính sách thu hút, mời gọi nhân lực chuyên môn cao từ bên ngoài tham gia vào công tác quản lý công ty, đặc biệt là các chuyên gia về quản trị sản xuất, khoa học công nghệ để giúp Công ty trong việc quản lý sản xuất tối ưu với chi phí giá thành hợp lý để cạnh tranh với các đối thủ nước ngoài;

■ ■ ■ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Định kỳ tiếp đánh giá, soát xét Bảng mô tả công việc, tiêu chí ASK, KPI cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, mối quan hệ, v.v... của từng thành viên, qua đó sắp xếp, tuyển dụng và lựa chọn con người phù hợp với chính sách Công ty và yêu cầu của từng vị trí, đặc biệt là kỹ thuật, sản xuất, marketing, nghiên cứu phát triển, tổ chức nhân sự;
- Định kỳ soát xét hệ thống văn bản quản lý, tác nghiệp cụ thể đang áp dụng trên cơ sở cải tiến, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi ngày càng cao của thị trường. Điều hết sức quan trọng là phải áp dụng, duy trì, đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục cho phù hợp với mục tiêu hiệu quả trong từng giai đoạn;
- Nuôi dưỡng và phát triển đội ngũ CBCNV thông qua hướng dẫn, đào tạo kiến thức, kỹ năng từng vị trí công việc từ thấp đến cao. Qua đó để từng thành viên trong SOVI luôn ***“thấu hiểu, làm được và làm đúng thường xuyên”*** theo các qui định, qui trình, tiêu chuẩn, hướng dẫn công việc đã được xây dựng;
- Qui hoạch nhân sự kế thừa chủ chốt, tiến hành đào tạo hoặc gửi đi đào tạo, có kế hoạch tập sự định kỳ nhằm đánh giá góp ý cải tiến để sẵn sàng bổ sung vào các vị trí mà nhân sự không còn phù hợp;
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở và định kỳ khảo sát để soát xét cải tiến, bao gồm môi trường vật lý, điều kiện và phương tiện làm việc; chế độ lương, thưởng và các phúc lợi; văn hóa kỷ luật.

Chiến lược sản xuất và tác nghiệp

Về con người

Ưu tiên trong chiến lược sản xuất – tác nghiệp là soát xét, lựa chọn, tuyển dụng bổ sung để có đủ những con người phù hợp: trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, sẵn sàng lắng nghe, sẵn sàng hợp tác. Thường xuyên xem xét hiện trường để hiểu tường tận tình hình công việc, suy nghĩ và phát biểu dựa trên các số liệu đã được bản thân kiểm tra.

Về quản lý thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị

- Xây dựng qui trình quản lý từng thiết bị từ việc vệ sinh, bảo dưỡng, vận hành, kiểm tra, sửa chữa;
- Định kỳ tiến hành đại tu nhằm phục hồi thiết bị đạt các tiêu chuẩn của nhà cung cấp;
- Khảo sát loại bỏ các lãng phí do thiết bị để xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, áp dụng phương pháp tính hiệu suất sử dụng thiết bị(OEE) cho từng khâu máy, phấn đấu nâng OEE lên 80%.

Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân

- Xây dựng quy trình công nghệ và chuẩn hóa để làm nền tảng của việc cải tiến liên tục. Tiến hành đào tạo, chuyển giao đến từng vị trí công việc có liên quan đảm bảo hiểu rõ và làm được một cách thường xuyên từng bước tác nghiệp, từng thông số theo quy định của quy trình.
- Thống kê các sự cố công nghệ thường gặp trong quá trình sản xuất của từng công đoạn và xây dựng đầy đủ các hướng dẫn xử lý các sự cố và tiến hành đào tạo, chuyển giao đến từng vị trí công việc nhằm đủ kiến thức và kỹ năng giải quyết khi gặp các sự cố.

Về quản lý chất lượng trên chuyền và thành phẩm

- Soát xét và nâng cấp các tiêu chuẩn sản phẩm, bán sản phẩm, phương pháp kiểm tra, tần suất kiểm tra, hướng dẫn xử lý sự cố về chất lượng, hướng dẫn xử lý kết quả kiểm tra tại từng vị trí công việc trên chuyền và nội dung cần ghi chép về chất lượng trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc;
- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về chất lượng để có các cải tiến hoặc ban hành HĐKP-PN kịp thời. Yêu cầu từng NC chất lượng trong quá trình phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP-PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả và phải làm cho đến khi chắc chắn rằng NC đó không còn lặp lại nữa.

Về quản lý định mức sử dụng nguyên vật liệu:

- Định kỳ hàng năm tổ chức soát xét lại định mức cho tất cả nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất, việc xác định các số liệu định mức phải trên cơ sở: thiết bị, nguyên vật liệu, quy trình và con người được chuẩn hóa, hướng dẫn xử lý sự cố khi định mức vượt quá qui định và nội dung cần ghi chép về định mức trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc;
- Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về định mức để có các cải tiến hoặc HĐKP – PN kịp thời. Yêu cầu từng trường hợp vượt mức phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP – PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả.

Về quản lý tồn kho nguyên vật liệu, tồn bán thành phẩm trong xưởng và điều độ sản xuất hiệu quả

- Nâng cao độ chính xác của dự báo bán hàng, quy hoạch nguyên vật liệu, dự trù mua, thời gian giao hàng của nhà cung cấp đặc biệt là giấy nhằm hạn chế đến mức thấp nhất chủng loại, số lượng tồn kho nguyên vật liệu.
- Giảm thời gian, số lần hư máy đột xuất, nâng cao độ chính xác năng suất từng khâu, xây dựng phần mềm điều độ chi tiết, phân tích nguyên nhân tồn bán thành phẩm hàng ngày cao nhằm từng bước giảm bán thành phẩm tồn xưởng;
- Xây dựng các nguyên tắc sắp xếp lịch sản xuất từng khâu máy đảm bảo hiệu quả về chất lượng, định mức, năng suất, v.v... làm cơ sở cho việc xây dựng các nguyên tắc điều độ. Hàng ngày phân tích hiệu quả điều độ nhằm tìm cơ hội cải tiến các nguyên tắc điều độ đã xác lập.
- Lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí nhằm từng bước giảm dần, loại bỏ lãng phí. Xác lập các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, v.v... trong việc sử dụng ngân sách cho từng bộ phận, phân xưởng trên cơ sở đảm bảo định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý ngân sách;
- Thu thập và phân tích hàng ngày các dữ liệu có liên quan đến định mức nguyên vật liệu sử dụng, chi phí thuộc phạm vi quản lý của mình, nhằm tìm ra cơ hội giảm cũng như nguyên nhân làm cho chi phí tăng để có các chương trình khắc phục cũng như cải tiến cụ thể.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Là một trong những ngành thân thiện với môi trường, SOVI luôn đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng về môi trường. Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường nhằm góp phần giữ gìn và nâng cao chất lượng môi trường làm việc của CB-CNV của Công ty nói chung và xã hội nói riêng. Với bao bì giấy ngày một thay thế bao bì nhựa và kim loại vì yếu tố môi trường, đây chính là mấu chốt cho sự phát triển bền vững của SOVI trong tương lai. Ngoài ra, bằng những hành động cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của từng thành viên trong tổ chức.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Với ý thức trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng là một phần quan trọng trong hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia, hưởng ứng, đóng góp cho các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển thật bền vững, tiến bộ thông qua các hoạt động như: ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai; xây nhà tình thương, tình nghĩa; nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà cho học sinh giỏi vượt khó, tặng quà tết cho người nghèo, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo, v.v. Trong năm 2014, Công ty đã đóng góp trên 800 triệu đồng cho các hoạt động Xã hội này.

■ ■ ■ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

RỦI RO KINH TẾ

Kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm 2014 đang trên đà hồi phục, nhưng với nhịp độ không đồng đều và vẫn có rủi ro xấu đi. Ở nền kinh tế Mỹ xuất hiện các nhân tố xảy ra một lần như sự điều chỉnh của tích lũy tồn kho trước đây và thời tiết xấu. Trong khi đó, tăng trưởng cũng kém hơn tại một số nền kinh tế mới nổi chính, phản ánh cầu nội địa yếu hơn. Căng thẳng chính trị tại Nga cũng là nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế thế giới. Vì vậy, triển vọng kinh tế thế giới nhìn chung chưa hoàn toàn hồi phục và phát triển vững chắc, nhất là các nền kinh tế mới nổi. Đến nay, các tổ chức kinh tế thế giới dự báo kinh tế Việt Nam sẽ có dấu hiệu tiếp tục phục hồi và phát triển trong năm 2015, cụ thể IMF đưa ra mức dự báo tăng trưởng đạt 5,35%, WB dự báo 5,8%, ADB dự báo 5,7%. Những biến động và thách thức của kinh tế toàn cầu đã, đang và sẽ tiếp tục tác động đến Việt Nam về mọi mặt lẫn kinh tế và xã hội. Về phía Việt Nam, các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội được Quốc Hội thông qua một cách thận trọng như tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,2%;

tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu khoảng 5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30%-32% GDP.

Theo đó những khó khăn hiện nay như khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp, v.v... sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp nói chung và hoạt động của CTCP Bao bì Biên Hòa nói riêng. Nhằm hạn chế tác động từ những bất ổn của nền kinh tế, SOVI luôn đề ra những chiến lược kinh doanh một cách thận trọng và linh hoạt đi kèm theo các phương án kinh doanh dự phòng nhằm đáp ứng với sự thay đổi của nền kinh tế.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro lãi suất

Lãi suất luôn là rào cản đối với hoạt động của mọi doanh nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với đặc thù ngành là sản xuất bao bì chủ yếu cho các ngành công nghiệp chế biến và tiêu dùng nên thường xuyên phát sinh nhu cầu nguồn vốn tín dụng ngắn hạn, do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của SOVI. Trong năm 2014, mặt bằng lãi suất cho vay đối với SOVI đã trở về mức từ 4-6% đã giúp SOVI tháo gỡ được phần nào khó khăn do phải giảm giá bán để cạnh tranh với các đối thủ chính như Vĩnh Phong Du, Boxpack, v.v... Ngoài ra, theo ý kiến chỉ đạo của Thống đốc ngân hàng nhà nước thì trong năm 2015 mặt bằng lãi suất sẽ giảm thêm từ 1-1,5%, đây là một tín hiệu lạc quan cho các doanh nghiệp sản xuất. Tuy nhiên, để chủ động nguồn vốn trong kinh doanh, Công ty đã thực hiện việc đàm phán với khách hàng để rút ngắn thời hạn thu tiền trung bình như từ 75 ngày xuống còn 60 ngày, đồng thời tăng thời hạn trả nợ từ 45 ngày lên 60 ngày, v.v... Chính điều này đã hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



■ ■ ■ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá

Hiện nay, cơ chế tỷ giá của nước ta chưa phản ánh được quy luật cung cầu của thị trường; tiền đồng vẫn còn neo chặt với đồng USD nên chưa phản ánh đúng giá tiền đồng so với thực tế dễ dẫn đến rủi ro tỷ giá khi nền kinh tế có sự biến động. Với nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI chủ yếu được nhập từ nước ngoài, theo đó khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì thế, Công sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trong nước phù hợp cũng như có phương án dự phòng hợp lý để hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra.

RỦI RO CẠNH TRANH

Với sự tăng trưởng luôn đạt mức ổn định và tiềm năng phát triển lớn, cộng với rào cản thương mại thấp nên áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành bao bì giấy hiện nay rất cao. SOVI hiện là một trong 3 nhà cung cấp bao bì giấy có thương hiệu lớn của ngành, chuyên cung cấp sản phẩm bao bì có chất lượng phù hợp với từng nhu cầu của mỗi khách hàng. Theo đó, việc thường xuyên đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại, mở rộng dây chuyền sản xuất và nỗ lực tìm kiếm khách hàng luôn được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc nhằm đảm bảo cung cấp nhanh chóng những sản phẩm chất lượng làm hài lòng khách hàng, góp phần củng cố và nâng cao vị thế doanh nghiệp. Từ đó ngày càng củng cố niềm tin vững chắc từ khách hàng, nhà cung cấp và các đối tác khác, từ đó đưa thương hiệu SOVI ngày một tăng cao trên thị trường.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, do vậy việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn, chông chéo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sự điều chỉnh của các văn bản thuộc các lĩnh vực trên đôi lúc còn thiếu nhất quán, thiếu sự ổn định và đôi khi chưa đầy đủ, rõ ràng gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu nên hoạt động của SOVI cũng chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, công bố thông tin, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào và bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều gây ra những ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, công ty giao nhiệm vụ cho Bộ phận tài chính kế toán và Ban kiểm soát nội bộ theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.



RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực luôn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Hiện nay, nguồn nhân lực cho ngành sản xuất nói chung và ngành bao bì giấy nói riêng thì nhiều nhưng trình độ chưa cao, cùng với tỷ lệ biến động số lượng cũng gây ra nhiều tổn thất cho Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn đặt chất lượng và gắn kết dài lâu làm tiêu chí tuyển dụng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, công bằng cùng những chính sách lương, thưởng hợp lý nên đã giữ được nhân sự gắn bó lâu dài vì sự phát triển bền vững của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro ở trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về PCCC và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng từ các loại thuế cũng tác động đến chi phí và lợi nhuận của Công ty. Chính sách thuế của Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện gây cho doanh nghiệp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

RỦI RO VỀ TT TIÊU THỤ

Năm 2014 là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp bao bì nói chung và SOVI nói riêng. Với sự cạnh tranh từ các sản phẩm bao bì nhập khẩu và bản thân các doanh nghiệp trong ngành đi cùng với đó là sức cầu yếu đã dẫn đến tình hình tiêu thụ khó khăn.

Với đặc thù ngành gắn liền với nhu cầu tiêu thụ hàng hóa nội địa thì việc Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro thiếu khách hàng là luôn có. Bản thân Công ty tuy cũng đã có một lượng khách hàng lớn và ổn định tuy nhiên Công ty luôn quyết tâm đổi mới công nghệ, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm để đứng vững trên thị trường đầy cạnh tranh như hôm nay.



■ ■ ■ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động kinh doanh

Đơn vị: tấn

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% Thực hiện so với kế hoạch 2014	% Tăng/ Giảm so với 2013
<i>Sản lượng (tấn)</i>					
Bao bì Carton	48.104	54.000	61.480	113,85	127,81
Bao bì in offset	6.067	6.000	5.920	98,67	97,58
Bao bì hộp	2.394	2.700	2.094	77,56	87,47

Đơn vị: triệu đồng

Tổng doanh thu	1.003.373	1.050.000	1.130.701	107,70	112,70
Đầu tư XDCB	8.005	40.000	20.200	50,50	252,34
TNBQ	10.57	10.42	10.83	103,93	102,46
LNTT	70.064	75.000	75.410	100,55	107,63
Nộp Ngân sách	37.128	43.254	42.754	98,84	115,15
Công tác xã hội	803	1.000	718	71,80	89,41

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng tài sản	290.500	434.995	549.662	610.872	669.385
Tổng vốn chủ sở hữu	79.940	159.654	191.492	238.921	271.464
Nợ ngắn hạn	204.767	248.452	284.362	311.477	342.008
Nợ dài hạn	5.272	26.373	73.808	60.475	55.914

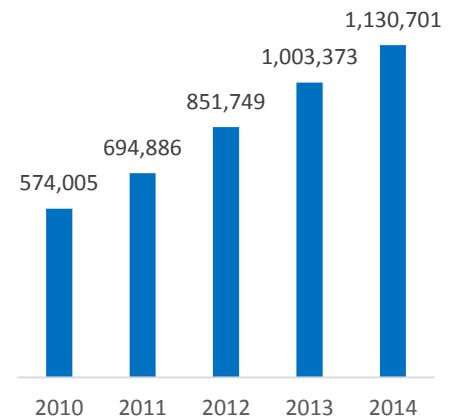
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	574.005	694.886	851.749	1.003.373	1.130.701
Lợi nhuận từ HĐKD	42.819	58.076	64.333	69.618	73.665
Lợi nhuận trước thuế	43.457	58.796	65.225	70.064	75.409
Lợi nhuận sau thuế	39.514	53.862	59.997	67.336	64.319

■ ■ ■ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

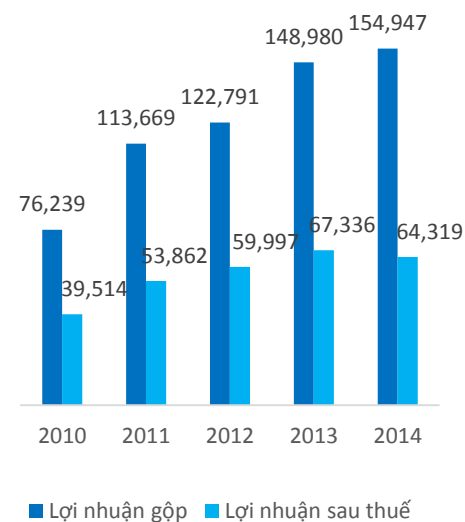
Doanh thu thuần

Doanh thu thuần tăng dần qua các năm nhờ chính sách mở rộng phát triển thị trường đúng đắn của công ty. Mặc dù giai đoạn 2010 – 2014 khá khó khăn nhưng SOVI vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần bình quân hàng năm đạt mức 22,7%. Đây là mức tăng trưởng khá nổi bật trong ngành bao bì nói riêng và các doanh nghiệp nói chung. Điều này có được là nhờ sự quyết tâm của bản thân cán bộ nhân viên Nhà máy Bao bì Biên Hòa cùng với sự đổi mới kịp thời công nghệ máy móc và chính sách bán hàng đã giúp cho doanh thu tăng trưởng ổn định.



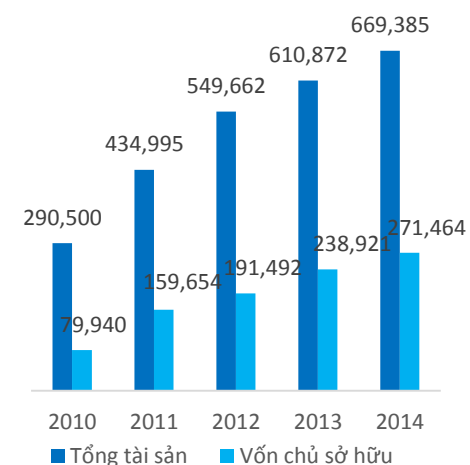
Lợi nhuận

Tình hình lợi nhuận gộp của công ty vẫn tăng đều đặn, bình quân 23,7% trong giai đoạn 5 năm (2010 – 2014). Cụ thể trong năm 2014 lợi nhuận gộp đạt mức 153,9 tỉ đồng, tăng khoảng 4% so với năm 2013. Đây là kết quả từ việc quản lý chặt chẽ trong quá trình sản xuất nhằm cắt giảm chi phí trong quá trình sản xuất và nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc công cụ góp phần giảm giá vốn hàng bán và nâng cao mức lợi nhuận gộp. Bên cạnh đó mức lợi nhuận sau thuế trong năm 2014 giảm khoảng 4,5% so với năm 2013 là do chi phí thuế và do chi phí bán hàng gia tăng khiến cho lợi nhuận sau thuế giảm. Tuy nhiên mức giảm này không đáng kể trong thị trường khó khăn hiện nay.



Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 31,3% qua các năm. Đây là kết quả từ chính sách quản trị tài sản hiệu quả và định hướng mở rộng không ngừng của Công ty. Ngoài ra, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn duy trì tăng trưởng bình quân ở mức 36,6% qua các năm. Điều này chứng tỏ chính sách quản trị nguồn vốn của Công ty trong các năm rất hiệu quả.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ QUỐC TUYỀN

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 69.097 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ 1979 – 1989:

Nhân viên, Phó phòng, quyền Trưởng phòng kỹ thuật Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 1989 – 08/2003:

Trợ lý giám đốc, Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa.



Ông PHẠM VĂN ĐIỀU

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 106.422 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ 1/1991 – 6/1996:

Quản đốc phân xưởng và trợ lý giám đốc Công ty Gốm Đồng Nai.

Từ 07/1996 – 12/1996:

Phó phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 01/1997 – 06/1997:

Phó giám đốc nhà máy điện cơ Đồng Nai.

Từ 07/1997 – 03/2001:

Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh cao su Kenda Việt Nam.

Từ 04/2001 – 05/2002:

Trưởng phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 06/2002 – 08/2003:

Phó Giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.



Bà NGUYỄN THANH NGÂN

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 94.608 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 1979 – 1985:

Cán bộ kỹ thuật Sở công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Từ 1985 – 08/2003:

Phó phòng kế hoạch vật tư Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2004:

Thành viên HĐQT kiêm phó phòng kế hoạch vật tư CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2004 – nay:

Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa.



Ông TRẦN TRANG BÌNH

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 99.146 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 06/1995 – 09/1996:

Nhân viên kỹ thuật Công ty cổ phần gỗ Tân Mai.

Từ 09/1996 – 05/2002:

Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 06/2002 – 08/2003:

Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Phó giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị CTCP Bao bì Biên Hòa.



Ông NGUYỄN HOÀNG

Kế toán trưởng, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 5.691 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 1999 – 2001:

Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH SX-TM –DV Ngọc Tuấn.

Từ 2001 – 2003:

Kế toán trưởng nhà máy Đông Lạnh Cần Giờ.

Từ 2003 – 2005:

Kế toán trưởng Công ty TNHH Mộc Hòa Bình kiêm trợ lý kế toán trưởng Công ty CP XD và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình.

Từ 1/2006 – 12/2009:

Phó bộ phận tài chính kế toán Công ty CP Bao bì Biên Hòa.

Từ 1/2010 – nay:

Trưởng bộ phận tài chính kế toán Công ty CP Bao bì Biên Hòa.

Trong năm 2014, Công ty không có sự thay đổi trong ban điều hành.



■ ■ ■ SỔ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chính sách đối với người lao động

Công tác tổ chức

Công ty tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV thông qua nhiều hình thức đào tạo bên trong lẫn bên ngoài hoặc mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ về kỹ năng giao việc, kiểm soát và đánh giá kỹ năng giải quyết sự cố, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hướng dẫn vận hành theo quy trình, quy định và tiêu chuẩn công việc, PCCC, an ninh tự vệ, v.v...

Công tác tuyển dụng được duy trì thường xuyên, đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tiếp tục khuyến khích tuyển dụng theo phương thức thời vụ đối với những công việc theo mùa và sử dụng dịch vụ bên ngoài đối với công việc giản đơn nhằm tiết giảm chi phí.

Chính sách lương

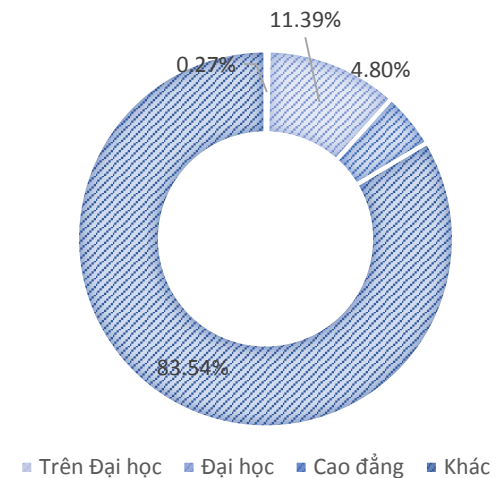
Tiền lương, thưởng được thực hiện trên cơ sở Quy chế được thống nhất đảm bảo giữa hiệu quả SXKD, đáp ứng nhu cầu của người lao động, và cạnh tranh. SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Trong năm 2014, Công ty đã áp dụng việc trả lương theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc. Định kỳ hàng quý, căn cứ hiệu quả SXKD, Công ty duy trì chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên và thúc đẩy người lao động đã tích cực, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao trong lao động sản xuất.

Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, trong đó đảm bảo việc mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đo kiểm môi trường, trang bị áo quần, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại được Công ty thực hiện thường xuyên kịp thời và đúng quy định. Hàng năm, Công ty định kỳ tổ chức cho CBCNV nghỉ mát và thực hiện tốt các chính sách đối với lao động nữ, lao động làm việc lâu năm.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Trang 23



■ ■ ■ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên hàng năm với trình tự thủ tục đầu tư thực hiện đúng theo Luật đầu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Đầu tư bổ sung thêm một số máy móc thiết bị và một số trang thiết bị cho nhà máy Mỹ Phước nhằm hoàn thiện, đồng bộ cho các khâu sản xuất.

Đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải tại nhà máy bao bì Biên Hòa với giá trị tổng đầu tư gần 20 tỷ.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

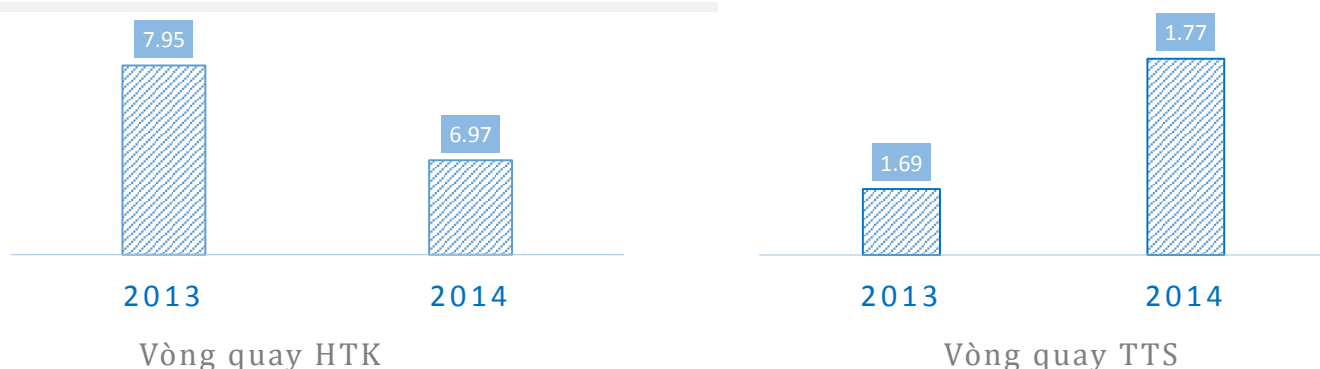
Các khoản mục trên báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	2013	2014	% Tăng giảm
Tổng tài sản	610.872	669.385	9,6%
Doanh thu thuần	1.003.373	1.130.701	12,7%
Lợi nhuận từ HĐKD	69.618	73.665	5,8%
Lợi nhuận khác	446	1.744	291,0%
Lợi nhuận trước thuế	70.064	75.409	7,6%
Lợi nhuận sau thuế	67.336	64.319	(4,5%)
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	–

Các chỉ số tài chính

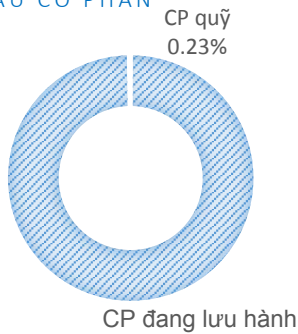
No	Chỉ tiêu	2013	2014
I	Tốc độ tăng trưởng		
1	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	17,8%	12,7%
2	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	7,42%	7,63%
3	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	12,2%	(4,5%)
II	Khả năng thanh toán		
1	Khả năng thanh toán hiện hành	1,28	1,36
2	Khả năng thanh toán nhanh	0,86	0,93
III	Khả năng sinh lợi		
1	Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA)	0,12	0,10
2	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0,31	0,25
3	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS)	0,07	0,06
IV	Hiệu quả hoạt động		
1	Vòng quay hàng tồn kho	7,95	6,97
2	Vòng quay tổng tài sản	1,69	1,77
V	Cấu trúc vốn		
1	Nợ trên tổng tài sản	0,61	0,59
2	Nợ trên vốn chủ sở hữu	1,30	1,47

Đồ thị hiệu quả hoạt động



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ PHẦN



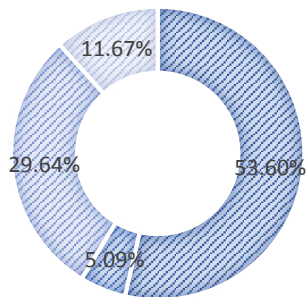
CỔ PHẦN

➤ Tổng số lượng cổ phần	10.697.842 CP
➤ Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
➤ Số lượng cổ phần đang lưu hành	10.673.542 CP
➤ Số lượng cổ phần Cổ phiếu quỹ	24.300 CP
➤ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 CP

Cơ cấu cổ đông

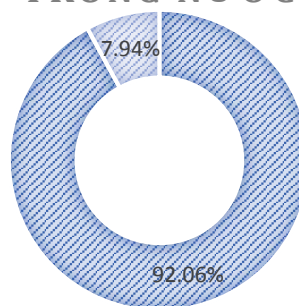
No	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	5.733.661	53,60%
II	Cổ đông nội bộ	544.539	5,09%
III	Cổ đông trong nước	3.170.987	29,64%
1	Cá nhân	2.919.142	27,29%
2	Tổ chức	251.845	2,35%
IV	Cổ đông nước ngoài	1.248.655	11,67%
1	Cá nhân	324.355	3,03%
2	Tổ chức	924.300	8,64%
	TỔNG	10.697.842	100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



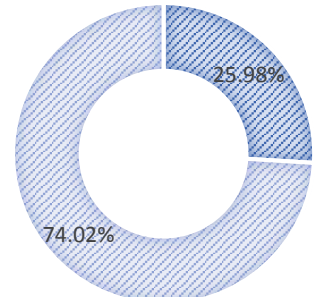
■ Cổ đông Nhà nước ■ Cổ đông nội bộ
■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC



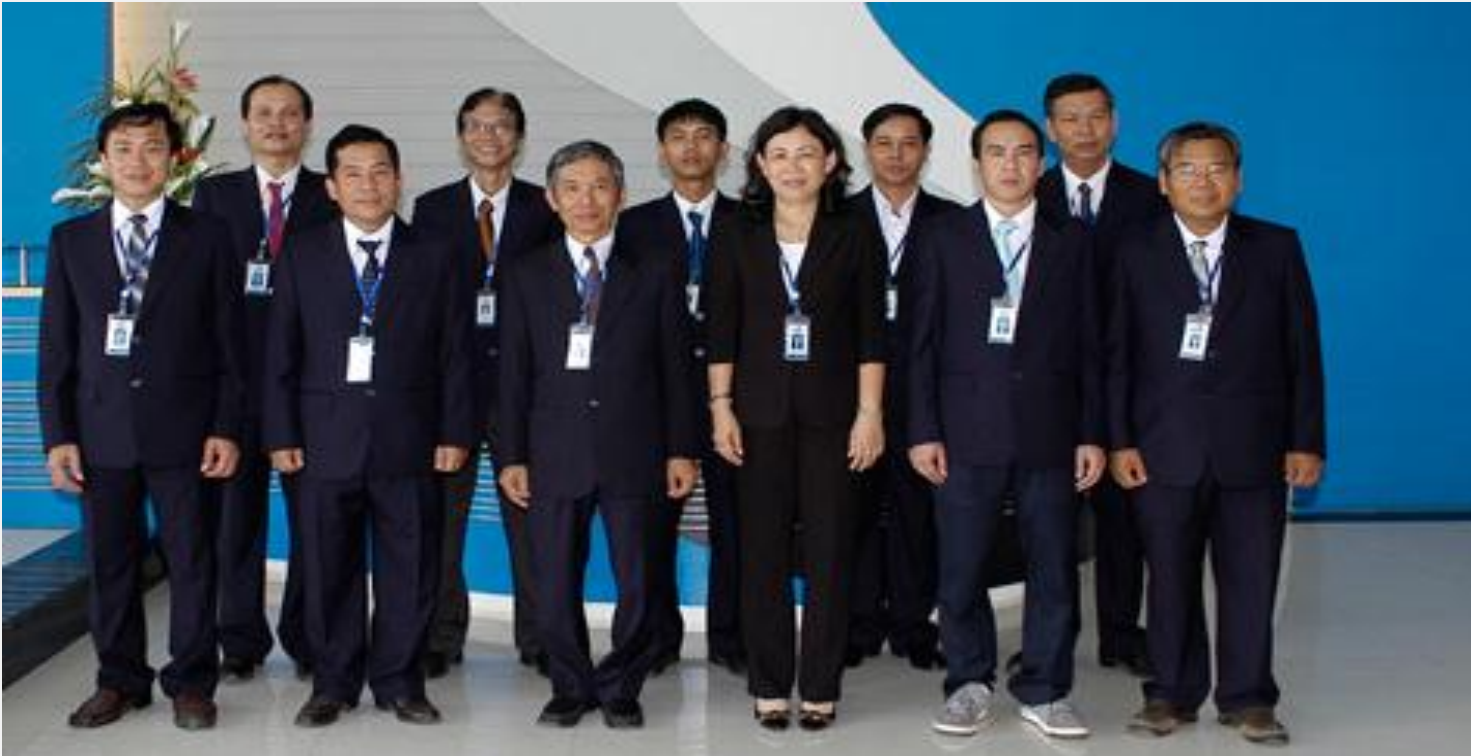
■ Cá nhân ■ Tổ chức

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI



■ Cá nhân ■ Tổ chức

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu: Không có
Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nền kinh tế Việt Nam năm qua diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2014 là 5,98%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 3 năm qua. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu, chỉ số WTI trên thế giới giảm khoảng 48,5% so với cuối năm ngoái và chưa thấy có dấu hiệu hồi phục rõ rệt. Ở trong nước lạm phát tiếp tục giảm, sản xuất tiếp tục xu hướng cải thiện, tuy nhiên sản xuất kinh doanh cũng chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, sức ép nợ xấu còn nặng nề. Đối với SOVI, mặc dù lạm phát đã giảm tuy nhiên giá các mặt hàng nguyên liệu như giấy, mực in, bột mì, v.v... vẫn chưa giảm và còn ở mức cao, tồn kho vẫn còn cao, công tác quản trị nguồn nhân lực đã bộc lộ những yếu kém, bất cập dẫn đến hiệu quả quản lý chưa cao. Bên cạnh đó, Nhà máy bao bì tại khu công nghiệp Mỹ Phước, Bình Dương vẫn chưa hoạt động hết công suất (70%) dẫn đến áp lực gia tăng chi phí sản xuất ảnh hưởng đến hiệu quả chung của toàn Công ty.

Đứng trước những khó khăn đó, Công ty đã có những biện pháp kịp thời và hiệu quả nhằm tiếp tục khẳng định thương hiệu mạnh. Thực tế, sản lượng gia tăng hơn 17% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu năm 2014 đạt mức 1.130 tỉ đồng, tăng khoảng 12,7% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt mức 75,41 tỉ đồng, đạt 100,55% so với kế hoạch. Đây là một nỗ lực rất đáng khích lệ của tập thể cán bộ và nhân viên của Công ty Bao bì Biên Hòa.

■ ■ ■ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	574.005	694.886	851.749	1.003.373	1.130.701
Lợi nhuận từ HĐKD	42.819	58.076	64.333	69.618	73.665
Lợi nhuận trước thuế	43.457	58.796	65.225	70.064	75.409
Lợi nhuận sau thuế	39.514	53.862	59.997	67.336	64.319

Doanh thu **1.130** tỉ VND



75.4 tỉ VND Lợi nhuận trước thuế

Trong năm 2014, sản lượng bao bì carton vượt kế hoạch và tăng 27,81% so với năm 2013, sản lượng bao bì Offset tuy có giảm tuy nhiên mức giảm không đáng kể khoảng 3%. Theo đó, doanh thu thuần tăng 1.130 tỷ, tương ứng tăng 12,7 % so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt mức 75.41 tỷ và đạt 100,55 % so với kế hoạch. Tuy vậy, điều đáng ghi nhận là Công ty vẫn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông là 20% như năm 2013. Đây là tỷ lệ chi trả cao so với các doanh nghiệp cùng ngành cũng như các doanh nghiệp niêm yết trong tình hình khó khăn hiện nay.

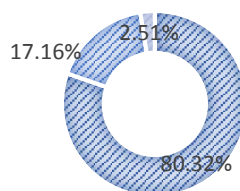
Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	805.968	80,32	938.016	83,00
Bao bì Offset	172.192	17,16	163.532	14,46
Khác	25.235	2,51	29.191	2,54
Tổng cộng	1.003.395	100	1.130.740	100

Doanh thu theo nhóm sản phẩm

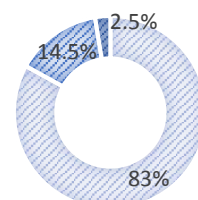
2013

- Bao bì Carton
- Bao bì Offset
- Khác



2014

- Bao bì Carton
- Bao bì Offset
- Khác

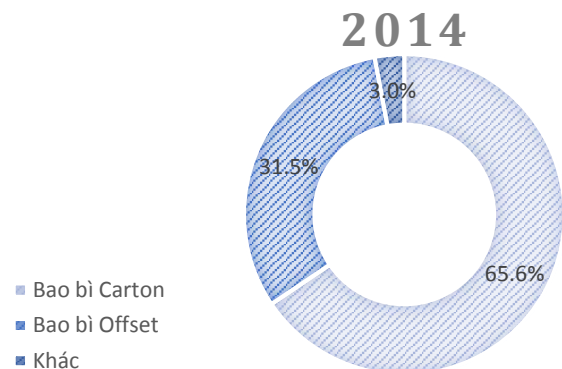
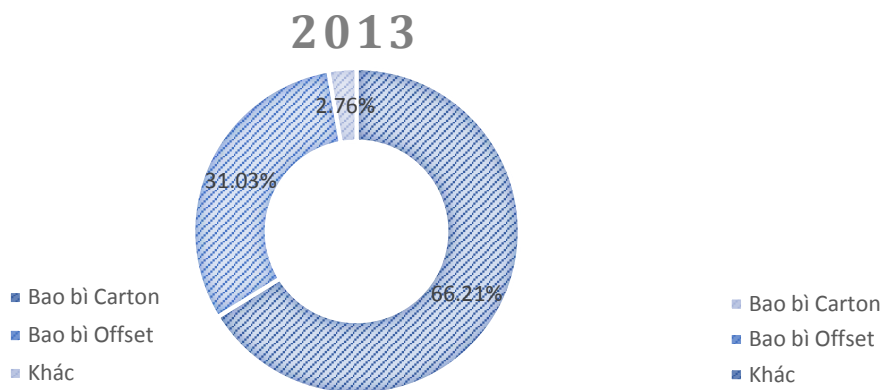


■ ■ ■ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	98.627	66,21	101.578	65,56
Bao bì Offset	46.222	31,03	48.773	31,48
Khác	4.115	2,76	4.596	2,97
Tổng cộng	148.964	100	154.947	100



Nhận diện được những khó khăn và tận dụng các ưu thế là cách Ban điều hành áp dụng để mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho Công ty. Theo đó, những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2014 như sau:

Thuận lợi

Về phía thị trường

GDP tiếp tục tăng trưởng trong năm 2014 với quý sau cao hơn quý trước và đạt 5,98% trong năm 2014. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,15% so với năm trước, trong đó ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng hơn 10%, chứng tỏ ngành bao bì giấy vẫn đang tiếp tục tăng trưởng và phát triển ổn định.

Về phía doanh nghiệp

Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.

Cụ thể SOVI tiếp tục khẳng định là một trong những nhà cung cấp bao bì carton chính cho thị trường, mức sản lượng vẫn tăng hơn 17% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến thương hiệu Sovi ngày càng có chỗ đứng vững chắc và tạo uy tín lớn đối với khách hàng. Sovi dễ tiếp cận các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng với chi phí vốn rẻ (từ 4,2 – 6%) do mức tín nhiệm tín dụng được đánh giá cao đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ. Ngoài ra, bao bì là loại sản phẩm khó có khả năng thay thế vì có tính thân thiện với môi trường và hữu dụng trong đời sống.

Khó khăn

Trong điều kiện lạm phát và chỉ số giá đã có xu hướng giảm và ít biến động nhưng giá cả một số nguyên vật liệu chính đầu vào của Công ty như giấy, mực in, bột mì, v.v... hầu như không giảm và còn duy trì ở mức cao. Ngoài ra, giá thành của một số sản phẩm thiết yếu như xăng, dầu, điện, nước, v.v... lại tăng trong khi giá bán sản phẩm trong kỳ lại giảm dưới áp lực cạnh tranh và rào cản thương mại thấp đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh trong kỳ.

Những khó khăn chung của doanh nghiệp hiện nay như khó khăn về nguồn vốn, chi phí vốn vay cao, v.v... dẫn đến một số đối tác, khách hàng của Công ty đã thu hẹp sản xuất, hoặc thậm chí đã giải thể, phá sản đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng sản xuất của Công ty trong kỳ.

Nhà máy sản xuất bao bì carton tại KCN Mỹ Phước, Bình Dương đã đi vào hoạt động đã gần một năm nhưng đạt chưa tới 70% công suất. Chính điều này dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao do Công ty phải thực hiện khấu hao, chi phí lãi vay, v.v... để đầu tư nhà máy này đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của toàn Công ty.

Kỹ năng quản trị của một số cán bộ quản lý vẫn chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu, đặc biệt là công tác quản trị nguồn nhân lực vẫn bộc lộ những yếu kém, bất cập dẫn đến hiệu quả quản lý còn chưa cao.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải tiến công tác tổ chức nhân sự

Về đào tạo: tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV thông qua các hình thức đào tạo. Cụ thể công ty tiến hành gửi nhiều cán bộ, nhân viên đi học các khóa đào tạo bên ngoài do các Tổ chức đào tạo có uy tín như đào tạo về đấu thầu, công nghệ thông tin, các kỹ năng bán hàng, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng sản xuất và nhất là đào tạo phương pháp xây dựng mục tiêu từ cấp Công ty cho đến các BP, phòng ban, PX theo bảng BSC, bảng điểm đánh giá KPI cá nhân, v.v...

Ngoài ra, công ty cũng tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ về kỹ năng giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc, kỹ năng giải quyết sự cố; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hướng dẫn vận hành theo quy trình, quy định và tiêu chuẩn công việc

Về tuyển dụng: Hoạt động tuyển dụng trong năm vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tiếp tục áp dụng phương pháp tuyển dụng theo phương thức thời vụ đối với công việc theo mùa và sử dụng dịch vụ đối với những công việc giản đơn nhằm tiết giảm chi phí.

Công tác cán bộ: bổ nhiệm 1 trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, giao nhiệm vụ 1 trưởng phòng, 1 phụ trách phòng, 06 tổ trưởng sản xuất tại nhà máy Bình Dương. Thành lập các Ban : PCCN, An toàn lao động và 5S +AM cho toàn Công ty.

Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý

Công ty tiếp tục xác định công tác duy trì và cải tiến hệ thống quản lý là công việc làm thường xuyên nên trong những tháng đầu năm 2014, công ty tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và có hiệu quả nhất.

Cụ thể là hoàn chỉnh bộ hồ sơ giao việc, phương pháp xây dựng mục tiêu và đánh giá KPI của BP và cá nhân, tiếp tục rà soát hoàn chỉnh nội dung và danh mục các cấp tài liệu để quản lý thống nhất toàn Công ty, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của 03 Ban chuyên đề PCCN, An toàn lao động và 5S +AM;

Tiến hành xây dựng mô hình quản lý chuyên môn theo ngành dọc của 02 mảng Kỹ thuật và Quản trị chất lượng, duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng, từ đó tái cấu trúc lại từng vị trí sao cho có hiệu quả nhất. Theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường và điều chỉnh giảm kịp thời những định mức chưa phù hợp.

Chính sách tiêu thụ sản phẩm

Tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng nhằm tìm kiếm khách hàng tiềm năng như: Nestle, Bia Sài Gòn, v.v... Đẩy mạnh công tác quan hệ và chăm sóc khách hàng để dành thị

phần chủ lực của khách hàng VIP truyền thống như: Masan, Unilever, Pepsico, Cocacola, Decalon, v.v... Đáp ứng các yêu cầu dịch vụ và chăm sóc khách hàng lớn kịp thời nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng tốt nhất. Giao chỉ tiêu doanh số và doanh số khách hàng mới cho từng nhân viên bán hàng để đảm bảo mục tiêu Công ty và động lực phấn đấu của nhân viên.

Công tác quản lý chất lượng

Công ty tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm là công việc làm thường xuyên. Thực tế, Công ty được Intertek là đơn vị có uy tín cấp giấy chứng nhận Iso 9001 : 2008; xây dựng cấu trúc chức năng bộ máy quản lý chất lượng Công ty theo trực tuyến kèm theo hồ sơ kiểm soát quá trình nhằm phát hiện kịp thời các lỗi online tại nơi sản xuất, các N/C khách hàng phản ánh được khắc phục kịp thời theo đúng quy định 8.3, duy trì kiểm tra nguyên liệu đầu vào, đánh giá nhà cung cấp nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình, trang bị đầy đủ những thiết bị kiểm tra chất lượng sản phẩm từng bước đáp ứng chất lượng và tạo niềm tin cho khách hàng.



■ ■ ■ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kế hoạch hoạt động trong năm 2015

Sang năm 2015, tình hình thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường. Sự cạnh tranh giữa các nước lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tranh chấp chủ quyền trên biển đảo tiếp tục diễn ra gay gắt. Kinh tế thế giới phục hồi chậm và còn nhiều khó khăn. Việc hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các Hiệp định thương mại tự do với EU và với các đối tác lớn khác sẽ mở ra cho nước ta những thuận lợi và cơ hội phát triển mới nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, khó khăn. Đầu tư trong nước cũng sẽ cải thiện nhờ những giải pháp chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh đã triển khai trong thời gian qua sẽ phát huy tác dụng. Những biện pháp tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu giúp hệ thống tài chính cải thiện và nâng cao khả năng cấp tín dụng. Tuy nhiên, doanh nghiệp trong nước vẫn còn khó khăn do tồn kho vẫn còn cao, nợ xấu vẫn chưa giải quyết triệt để.

Ban lãnh đạo Công ty đã có những tính toán dựa vào nguồn lực sẵn có và thông qua các chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 như sau:

STT		Đơn vị tính: Tấn
1	Chỉ tiêu	2015
1.1	Sản lượng	68.800
1.1.1	Bao bì Carton	60.000
1.1.2	Bao bì in offset	6.500
1.1.3	Bao bì hộp	2.300
		Đơn vị tính: triệu đồng
1.2	Tổng doanh thu	1.175.000
1.3	Đầu tư XDCB	60.000
1.4	TNBQ	11
1.5	LNTT	80.000
1.6	Nộp Ngân sách	41.504
1.7	Công tác xã hội	1.000

Chỉ tiêu	Số liệu
Sản lượng	<input type="checkbox"/>
Bao bì in offset	<input type="checkbox"/>
Bao bì hộp	<input type="checkbox"/>
Tổng doanh thu	<input type="checkbox"/>
Đầu tư XDCB	<input type="checkbox"/>
TNBQ	<input type="checkbox"/>
LNTT	<input type="checkbox"/>
Nộp Ngân sách	<input type="checkbox"/>
Công tác xã hội	<input type="checkbox"/>

Một là, Tiếp tục đổi mới và nâng cấp cấp thiết bị hiện có để đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ và có phương án dự phòng các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất;

Hai là, Tiếp tục thực hiện chương trình soát xét và nâng cao hiệu quả quản trị của các trưởng phó bộ phận, quản đốc, phó quản đốc phân xưởng thông qua việc điều hành, quản lý theo đúng chu trình PDCA. Mỗi cấp trưởng bộ phận phải tổ chức hệ thống theo dõi, cập nhật thông tin xuyên suốt trong đơn vị của mình. Thường xuyên kiểm tra, giám sát hàng ngày kế hoạch thực hiện mục tiêu, chương trình hành động của từng thành viên. Phải có hồ sơ, biên bản theo dõi, phân tích, đánh giá công tác quản trị theo từng chức năng nhiệm vụ hàng tuần, hàng tháng, từ đó mới có cơ sở ban hành những hành động khắc phục phòng ngừa kịp thời cũng như cải tiến công việc;

Ba là, Tiến hành rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng, v.v... nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của công ty;

Bốn là, Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị và bán hàng. Ưu tiên mở rộng thị phần đối với khách hàng cũ và truyền thống nhằm đạt hoặc vượt kế hoạch đặt ra về doanh số, tiếp tục triển khai chính sách giảm giá bán phù hợp để gia tăng sản lượng, đảm bảo hoạt động hết công suất tại Nhà máy Mỹ Phước, Bình Dương trong năm 2015;

Năm là, Thực hiện tốt các định mức kinh tế kỹ thuật thông qua các chương trình quản lý chi phí được triển khai tổng thể đến các bộ phận, phân xưởng trong công ty nhằm cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình sản xuất. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc cấp phát chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận;

Sáu là, Triển khai soát xét và quy hoạch lại các đơn hàng về một loại chủng loại giấy và soát xét lại cấu trúc giấy nhằm giảm định mức để tiết giảm chi phí, từ đó có cơ hội giảm giá bán để nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường;

Bảy là, Đầu tư giải pháp ứng dụng phần mềm CPS trong công tác quản trị sản xuất và công việc nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí;

Tám là, tăng cường công tác kiểm tra và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ tại từng bộ phận, phân xưởng nhằm đảm bảo duy trì hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015 – 2018

Đơn vị: tấn

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<i>Sản lượng (tấn)</i>				
Bao bì Carton	60.000	65.000	71.000	78.000
Bao bì in offset	6.500	6.800	7.200	7.700
Bao bì hộp	2.300	2.700	2.600	2.500
<i>Đơn vị: triệu đồng</i>				
Tổng doanh thu	1.175.000	1.270.000	1.380.000	1.520.000
Đầu tư XDCB	50.000	45.200	20.000	20.000
TNBQ	11	11,5	12	13
Công tác xã hội	1.000	1.000	1.200	1.500

Những thành tích đạt được trong năm 2014

STT	Danh hiệu đạt được	Thành tích đạt được	Tổ chức	Thời gian
1	GIẤY KHEN	Đã có thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2013	Cục thuế Tỉnh Đồng Nai	24/3/2014
2	KỶ NIỆM CHƯƠNG	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	31/1/2015
3	TRI ÂN TẤM LÒNG VÀNG	Tham gia công tác ủng hộ cho nạn nhân chất độc Dacam từ năm 2003-2007. Số tiền ủng hộ: 155 triệu đồng.	Hội nạn nhân chất độc Dacam/Dioxin TỈNH Đồng Nai	6/1/2014
4	BẰNG KHEN	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào chữ chữ thập đỏ Tỉnh Đồng Nai 2013	UBND Tỉnh Đồng Nai	13/3/2014
5	TẶNG DANH HIỆU TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2013	UBND Tỉnh Đồng Nai	5/5/2014
6	BẰNG KHEN	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2013	Tổng LĐLĐ VIỆT NAM	14/4/2014

Tóm tắt mục tiêu 2015

“Tập thể Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty Bao bì Biên Hòa luôn đặt quyết tâm cao nhất để xây dựng Công ty phát triển ngày một vững mạnh và đưa thương hiệu SOVI thành một thương hiệu có uy tín và có sức cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực bao bì giấy trong dài hạn”.

Mục tiêu dài hạn

- Đạt mức tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận với tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm về doanh số và 5%/năm về lợi nhuận;
- Quản lý chi phí hiệu quả cụ thể là việc kiểm soát chặt chẽ việc cấp phát, sử dụng nguyên vật liệu, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác thiết kế sản phẩm, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn về thiết kế cho cán bộ công nhân viên. Đảm bảo sản xuất cơ sở thiết bị an toàn và ổn định. Nâng cao năng suất lao động, trách nhiệm của từng bộ phận;
- Tìm kiếm sự hài lòng từ khách hàng. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng, bảo đảm giao hàng đúng tiến độ;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh. Thị trường bao bì sắp tới cạnh tranh khốc liệt nên việc tìm hiểu đối thủ cạnh tranh và chuẩn bị sẵn sàng để đảm bảo vị thế là 1 trong 3 nhà cung cấp bao bì giấy hàng đầu tại Việt Nam;
- Nâng cao năng lực hiệu quả quản trị, bằng cách cử cán bộ nhân viên đi học thêm về các kỹ năng quản lý; kỹ thuật và thu thập thêm kinh nghiệm quản lý trong ngành nhằm kiện toàn bộ máy đưa công ty đến những thành công lớn hơn trong tương lai;
- Không ngừng đổi mới và nâng cấp cấp thiết bị hiện có để đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ và có kế hoạch dự phòng hợp lý các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- Đổi mới công nghệ. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong ngành bao bì thì yếu tố công nghệ luôn đặt lên hàng đầu. Do đó Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển công nghệ trong lĩnh vực in ấn và thiết kế.



Thành viên của Hội đồng quản trị



Thành viên ban điều hành

- ▲ Chủ tịch Hội đồng quản trị:
LÊ QUỐC TUYẾN
- ▲ Thành viên Hội đồng quản trị:
PHẠM VĂN ĐIỀU
TRẦN TRANG BÌNH
NGUYỄN THANH NGÂN
NGUYỄN HOÀNG

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: không có

Thành viên không điều hành

- ▲ Thành viên Hội đồng quản trị:
HOÀNG NGỌC LỰU
ĐẶNG NGỌC DIỆP



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 35 biên bản, nghị quyết, quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, kinh doanh, đầu tư, v.v... Các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với điều lệ của công ty.

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2014

- Chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh và phân bổ mục tiêu hàng quý của năm 2014 và kiểm tra giám sát tình hình sản xuất kinh doanh theo kế hoạch;
- Bảo đảm nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty từng quý và cả năm 2014;
- Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014; phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2015;
- Chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các chính sách, phương án kinh doanh, hạng mục đầu tư phát triển, bảo đảm nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung cho công ty;
- Chỉ đạo Ban điều hành duy trì và phát triển các nội quy và văn hóa công ty, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tích cực tham gia các hoạt động xã hội - từ thiện, phát triển thương hiệu Sovi, tạo lập niềm tin vững chắc giữa công ty với người lao động, cổ đông, khách hàng và nhà cung cấp;
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Nội dung đều tập trung vào việc triển khai kế hoạch 2014 được ĐHĐCĐ thông qua và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban giám đốc

Trong bối cảnh kinh tế thế giới trong những năm qua vẫn còn nhiều bất ổn và chưa có dấu hiệu tăng trưởng ổn định, tình hình sản xuất trong nước còn gặp khó khăn, lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của CTCP Bao Bì Biên Hòa nói riêng. Trước tình hình khó khăn như trên, Ban Giám đốc đã thể hiện được vai trò lãnh đạo sáng suốt và điều hành linh hoạt khi duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định cả chỉ tiêu doanh thu tăng 13 % so với năm 2013, lợi nhuận trước thuế hoàn thành 100% so với kế hoạch.

Ngoài những nỗ lực không ngừng để hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Giám đốc còn tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm như đổi mới công nghệ, chuẩn hóa quy trình, nâng cao chất lượng quản trị nhân sự, v.v... Đây được xem là bước đi mang tính chất quyết định tạo tiền đề phát triển ổn định và mở rộng trong tương lai. Bên cạnh đó, với kinh nghiệm lãnh đạo và điều hành lâu năm, Ban Giám đốc đã có những nhận định, đánh giá phù hợp, kịp thời phản ứng trước những thay đổi bất ngờ của thị trường và luôn tạo được không khí thi đua, thúc đẩy động lực làm việc cho tập thể CBCNV hoàn thành nhiệm vụ.

Biên bản họp của Hội đồng quản trị

STT	BIÊN BẢN SỐ	NGÀY RA	NỘI DUNG
1	01bis/BB-HĐQT/2014	03/01/2014	Ủy quyền vốn vay tại Ngân hàng Ngoại Thương Đồng Nai
2	01/BB-HĐQT/2014	21/01/2014	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 và chọn thời điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014
3	02/BB-HĐQT/2014	10/02/2014	Thống nhất phê duyệt chủ trương đầu tư máy nén khí (công suất 60 HP)1 cho chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa – Nhà máy bao bì giấy Bình Dương
4	03/BB-HĐQT/2014	21/02/2014	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, giá kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh cho gói thầu : Cung cấp máy nén khí trục vít (công suất 60 HP)
5	04/BB-HĐQT/2014	24/02/2014	Họp HĐQT thường niên lần 4.2013 : - Thông qua báo cáo tài chính quý 4 và báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. Thông qua các tờ trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2014
6	05/BB-HĐQT/2014	05/04/2014	Thông qua quy chế tiền lương – thu nhập
7	06/BB-HĐQT/2014	18/04/2014	Họp HĐQT thường niên lần 1.2014 : - Thông qua báo cáo KQSXKD quý 1.2014. - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2.2014.
8	07/BB-HĐQT/2014	18/04/2014	Thông qua bán cổ phiếu quỹ Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu – Gói thầu : Cung cấp máy nén khí công suất 60 HP
9	08/BB-HĐQT/2014	18/04/2014	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, giá kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu rộng rãi & tiêu chuẩn đánh giá cho gói thầu : Cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu đã qua sử dụng.
10	09/BB-HĐQT/2014	13/05/2014	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, giá kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá cho gói thầu : Cung cấp máy ghi bản và hiện bản kẽm
11	10/BB-HĐQT/2014	24/05/2014	Thống nhất phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu : cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu đã qua sử dụng
12	11/BB-HĐQT/2014	16/06/2014	Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu – gói thầu Cung cấp máy ghi bản và hiện bản kẽm
13	12/BB-HĐQT/2014	31/07/2014	Họp HĐQT thường niên lần 2.2014 : - Thông qua báo cáo KQSXKD quý 2.2014. - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3.2014.
14	13/BB-HĐQT/2014	04/08/2014	Thông qua chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 Thông qua đơn giá tiền lương và quỹ lương năm 2014
15	14/BB-HĐQT/2014	23/10/2014	Họp HĐQT thường niên lần 3.2014 : - Thông qua báo cáo KQSXKD quý 3.2014. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.2014.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	BIÊN BẢN SỐ	NGÀY RA	NỘI DUNG
16	15/BB-HĐQT/2014	22/12/2014	Thông qua thang bảng lương năm 2015
17	16/BB-HĐQT/2014	29/12/2014	<p>Thống nhất phê duyệt kế hoạch đầu thầu – gói thầu cung cấp và triển khai phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.</p> <p>Thống nhất phê duyệt kế hoạch đầu thầu – gói thầu cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.</p>
18	17/BB-HĐQT/2014	29/12/2014	

STT	NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY RA	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT/2014	21/01/2014	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 và chọn thời điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014
2	01/QĐ-HĐQT/2014	10/02/2014	Phê duyệt chủ trương đầu tư máy nén khí (công suất 60 HP) cho chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa – Nhà máy bao bì giấy Bình Dương
3	02/QĐ-HĐQT/2014	22/02/2014	<p>Phê duyệt kế hoạch đầu thầu, giá kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá cho gói thầu : Cung cấp máy nén khí trục vít (công suất 60 HP)</p> <p>Thông qua báo cáo tài chính quý 4 và báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. Thông qua các tờ trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2014</p>
4	02/NQ-HĐQT/2014	24/02/2014	
5	03/QĐ-HĐQT/2014	05/04/2014	Thông qua quy chế tiền lương – thu nhập
6	03/NQ-HĐQT/2014	18/04/2014	<p>Thông qua báo cáo KQSXKD quý 1.2014.</p> <p>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2.2014.</p> <p>Thông qua bán cổ phiếu quỹ</p>
7	04/QĐ-HĐQT/2014	18/04/2014	Phê duyệt kết quả đấu thầu – Gói thầu : Cung cấp máy nén khí công suất 60 HP
8	05/QĐ-HĐQT/2014	18/04/2014	Phê duyệt kế hoạch đầu thầu, giá kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu rộng rãi & tiêu chuẩn đánh giá cho gói thầu : Cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu đã qua sử dụng.
9	06/QĐ-HĐQT/2014	13/05/2014	Phê duyệt kế hoạch đầu thầu, giá kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá cho gói thầu : Cung cấp máy ghi bản và hiện bản kẽm

STT	NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY RA	NỘI DUNG
10	07/QĐ-HĐQT/2014	24/05/2014	Phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu : cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu đã qua sử dụng
11	08/QĐ-HĐQT/2014	16/06/2014	Phê duyệt kết quả đấu thầu – gói thầu Cung cấp máy ghi bản và hiện bản kẽm - Thông qua báo cáo KQSXKD quý 2.2014. - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3.2014.
12	04/NQ-HĐQT/2014	31/07/2014	Thông qua chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014
13	09/QĐ-HĐQT/2014	04/08/2014	Thông qua đơn giá tiền lương và quỹ lương năm 2014 - Thông qua báo cáo KQSXKD quý 3.2014.
14	05/NQ-HĐQT/2014	23/10/2014	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.2014.
15	10/QĐ-HĐQT/2014	23/12/2014	Thông qua thang bảng lương năm 2015
16	11/QĐ-HĐQT/2014	29/12/2014	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu – gói thầu cung cấp và triển khai phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.
17	12/QĐ-HĐQT/2014	29/12/2014	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu – gói thầu cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Danh sách các thành viên có chứng chỉ của Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- ♣ Ông **LÊ QUỐC TUYÊN** – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.
- ♣ Ông **PHẠM VĂN ĐIỀU** – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty.
- ♣ Ông **TRẦN TRANG BÌNH** – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty.
- ♣ Bà **NGUYỄN THANH NGÂN** - Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty.
- ♣ Ông **NGUYỄN HOÀNG** - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty.
- ♣ Ông **HOÀNG NGỌC LỰU** - Thành viên HĐQT.
- ♣ Ông **ĐẶNG NGỌC DIỆP** - Thành viên HĐQT.



Thành viên ban kiểm soát

Bao gồm Trưởng ban kiểm soát ông Trần Hữu Đức, thành viên Ban kiểm soát ông Nguyễn Văn Toàn, bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm.

Hoạt động của ban kiểm soát

Thông qua các cuộc họp định kỳ và phân công nhiệm vụ thể cho từng thành viên, Ban kiểm soát tập trung kiểm soát các hoạt động của Công ty nhằm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như:

- Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định, quy định, quy chế của HĐQT;
- Kiểm soát và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;
- Giám sát các hoạt động quản lý sử dụng vốn gồm hợp đồng kinh tế, đầu tư, mua bán tài sản cố định và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;
- Kiểm soát dòng tiền, tình hình công nợ, chi phí hoạt động;
- Kiểm kê số lượng hàng hóa định kỳ;
- Kiểm soát tất cả các khoản nhập, xuất, tồn kho hàng hóa vật tư và thành phẩm, doanh thu, giá vốn;
- Kiểm soát định mức tiêu hao, giá thành sản phẩm;
- Kiểm soát tình hình lao động, thực hiện hợp đồng lao động, thực hiện chế độ bảo hiểm, trích và chi trả lương, xây dựng và thực hiện quy chế trả lương, tăng giảm lao động;
- Tình hình tuyển dụng và đào tạo;
- Kiểm soát tình hình sử dụng đất, thống kê các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

■ ■ ■ CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát

Nhằm khuyến khích động viên Ban điều hành gia tăng hiệu quả làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Công ty, Công ty cổ phần Bao bì Biên Hòa có chính sách thưởng định kỳ cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung của Công ty hàng năm. Cụ thể như sau: SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc với các tiêu chí KPI hàng tháng, từ đó tạo động lực, khuyến khích người lao động cải tiến và nâng cao hiệu suất làm việc.

No	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thưởng	Cho công ty vay	Vay của công ty
I Hội đồng quản trị						
1	Lê Quốc Tuyên	374.910.096	287.144.406	170.238.744	-	-
2	Phạm Văn Điều	285.620.870	244.655.693	157.721.370	-	-
3	Trần Trang Bình	284.680.000	244.622.643	133.443.808	-	-
4	Nguyễn Thanh Ngân	289.221.923	225.832.962	122.368.808	-	-
5	Nguyễn Hoàng	197.816.745	154.234.336	132.411.808	-	-
6	Hoàng Ngọc Lựu	196.882.933	155.021.104	133.586.808	-	-
7	Đặng Ngọc Diệp	203.691.058	156.779.954	131.464.808	-	-
II Ban kiểm soát						
1	Trần Hữu Đức			61.211.014	-	-
2	Nguyễn Văn Toan			36.707.342	-	-
3	Nguyễn Thị QuỳnhTrâm	66.889.010	60.434.169	40.697.936	-	-
III Ban điều hành						
1	Lê Quốc Tuyên	Xem 1.1				
2	Phạm Văn Điều	Xem 1.2				
3	Trần Trang Bình	Xem 1.3				
4	Nguyễn Thanh Ngân	Xem 1.4				
5	Nguyễn Hoàng	Xem 1.5				

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM GIÁC ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Tổng công ty Đồng Nai	Chủ sở hữu	5.733.661		0	5.733.661	
Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch HĐQT; Giám đốc	69.097	Không	-	69.097	
Phạm Văn Điều	Phó chủ tịch HĐQT, Phó giám đốc	106.422	Không	-	106.422	
Trần Trang Bình	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	99.146	Không	-	99.146	
Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	94.608	Không	-	94.608	
Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận TCKT	5.691	Không	-	5.691	
Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận Tổ chức nhân sự	70.410	Không	-	70.410	
Đặng Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận Kinh doanh	9.763	Không	-	9.763	
Trần Hữu Đức	Trưởng ban kiểm soát	120	Không	-	120	
Nguyễn văn Toan	Thành viên BKS	57.226	Bán	11.310	45.916	27/2-19/3/2014
Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên BKS	43.366	Không	-	43.366	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kì (31/12/2014)	
			Số CP	Tỉ lệ
1	Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch HĐQT; Giám đốc	69.097	0,65%
2	Phạm Văn Điều	Phó chủ tịch HĐQT, Phó giám đốc	106.422	1,00%
3	Trần Trang Bình	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	99.146	0,93%
4	Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	94.608	0,88%
5	Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận TCKT	5.691	0,05%
6	Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận Tổ chức nhân sự	70.410	0,66%
7	Đặng Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận Kinh doanh	9.763	0,09%
1	Trần Hữu Đức		120	0,001%
2	Nguyễn Văn Toàn		45.916	0,43%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm		43.366	0,40%

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 38
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014	39

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc



LÊ QUỐC TUYỀN



Số: 15.147/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2015 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau: Như được trình bày tại mục 4.20 của thuyết minh đính kèm, trong năm Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của một số nhóm tài sản. Ban Giám đốc tin tưởng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh phù hợp hơn kết quả hoạt động của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TÀNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		466.448.019.126	399.173.999.838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	82.194.459.355	73.767.750.198
1. Tiền	111		15.194.459.355	58.767.750.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	234.180.953.301	194.781.285.504
1. Phải thu khách hàng	131		231.562.957.160	193.486.877.813
2. Trả trước cho người bán	132		895.708.393	623.188.820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.860.345.388	773.791.495
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(138.057.640)	(102.572.624)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	149.710.195.855	130.147.571.260
1. Hàng tồn kho	141		149.710.195.855	130.147.571.260
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		362.410.615	477.392.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		74.585.215	42.773.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			13.714.376
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		287.825.400	420.905.000

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.937.223.035	211.698.283.520
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		153.459.007.821	160.606.814.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	133.270.141.494	153.516.587.571
+ Nguyên giá	222		367.585.594.856	363.811.735.219
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.315.453.362)	(210.295.147.648)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.5)	19.494.421.646	6.482.021.739
+ Nguyên giá	225		29.390.578.850	12.964.043.478
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.896.157.204)	(6.482.021.739)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		694.444.681	608.205.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.6)	4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		45.478.215.214	47.091.469.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	37.121.145.696	40.147.492.689
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.9)	6.161.099.518	5.845.470.521
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	2.195.970.000	1.098.506.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		669.385.242.161	610.872.283.358

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		397.921.393.556	371.951.746.653
I. Nợ ngắn hạn	310		342.007.734.177	311.477.227.497
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	168.662.782.126	134.476.015.674
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	131.953.013.064	120.118.422.628
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	4.695.804	82.154.512
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	6.888.033.769	7.929.576.378
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	16.259.647.602	25.095.166.999
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	13.043.558.507	11.811.798.249
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	1.269.575.404	1.108.543.942
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	3.926.427.901	10.855.549.115
II. Nợ dài hạn	330		55.913.659.379	60.474.519.156
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.16)	55.913.659.379	60.474.519.156
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		271.463.848.605	238.920.536.705
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	271.463.848.605	238.920.536.705
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	106.978.420.000	106.978.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(408.640.209)	(408.640.209)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.097.105.863	21.449.284.093
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.697.842.000	8.858.576.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.17.6)	123.099.120.951	102.042.896.500
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		669.385.242.161	610.872.283.358

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		735.123.035	735.123.035
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		66.561,80	79.978,46
+ EUR		949,84	949,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.130.739.726.982	1.003.395.578.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.585.826	22.948.525
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.130.701.141.156	1.003.372.629.606
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	975.754.074.868	854.392.696.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.947.066.288	148.979.933.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.050.674.861	2.456.488.980
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	13.038.116.555	14.456.745.180
trong đó, chi phí lãi vay	23		11.648.613.907	13.469.794.679
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	56.825.621.653	51.987.271.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	15.469.392.227	15.374.055.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.664.610.714	69.618.349.836
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	2.859.267.437	1.913.323.651
12. Chi phí khác	32		1.115.080.129	1.467.777.714
13. Lợi nhuận khác	40		1.744.187.308	445.545.937
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.408.798.022	70.063.895.773
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	10.469.875.684	6.776.903.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.9)	620.110.537	(4.048.736.891)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.318.811.801	67.335.729.385
18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phần	70	(5.19.5)	6.012	6.927

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.408.798.022	70.063.895.773
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		28.082.321.313	53.541.134.194
Các khoản dự phòng	03		35.485.016	(133.622.746)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		281.359.505	(354.588.331)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.929.393.353)	(1.893.848.406)
Chi phí lãi vay	06		11.648.613.907	13.469.794.679
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		111.527.184.410	134.692.765.163
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.211.895.060)	(32.358.429.286)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.562.624.595)	(45.262.582.731)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.713.962.418)	11.202.269.662
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.994.535.278	(7.648.693.631)
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.701.823.131)	(13.399.334.574)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.969.965.445)	(6.886.981.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.493.455.032)	(15.199.106.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.867.994.007	25.139.907.126
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.245.294.690)	(4.545.034.608)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.855.448.909	2.051.015.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.389.845.781)	(2.494.019.535)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		649.465.509.348	359.987.340.618
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(618.217.405.787)	(341.982.408.379)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.958.297.971)	(1.711.973.765)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.347.084.000)	(8.894.690.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.942.721.590	7.398.268.474
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.420.869.816	30.044.156.065
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		73.767.750.198	43.694.913.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.839.341	28.680.783
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		82.194.459.355	73.767.750.198

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN


NGUYỄN HOÀNG

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015



GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 788 người (31/12/2013: 791 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao	Hệ số khấu hao nhanh	
		Năm 2014	Năm 2013
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm	1	1
+ Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm	1	2
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm	1	2
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm	1	2
+ Tài sản cố định khác	04 năm	1	2

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 3 năm với tỷ lệ khấu hao nhanh kỳ này là 1 lần và kỳ trước là 2 lần.

4.9. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

4.10. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính:

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 3% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tuy nhiên không vượt 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.17. Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

- + *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:* Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- + *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại:* Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + *Ưu đãi, miễn giảm thuế:*

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư tại Chi nhánh tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương áp dụng thuế suất 22%.

- *Thuế giá trị gia tăng:* Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.
- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

4.18. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.20. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của một số nhóm tài sản như được trình bày tại mục 4.7 và 4.8. Việc thay đổi này được xem là thay đổi ước tính kế toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn kết quả hoạt động của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay sẽ tăng 18.280.438.586 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	48.819.350	99.337.421
Tiền gửi ngân hàng	15.145.640.005	58.668.412.777
Các khoản tương đương tiền	67.000.000.000	15.000.000.000
Tổng cộng	82.194.459.355	73.767.750.198

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	231.562.957.160	193.486.877.813
Trả trước cho người bán	895.708.393	623.188.820
Các khoản phải thu khác	1.860.345.388	773.791.495
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	234.319.010.941	194.883.858.128
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(138.057.640)	(102.572.624)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	234.180.953.301	194.781.285.504

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 494.779.010 đồng - Xem thêm mục 8.

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp tại ngân hàng là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.9.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	16.502.873.905	1.059.870.680
Nguyên liệu, vật liệu	118.932.801.729	117.031.867.098
Công cụ, dụng cụ	547.312.955	254.610.035
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.514.113.118	3.231.598.942
Thành phẩm	9.213.094.148	8.569.624.505
Cộng giá gốc hàng tồn kho	149.710.195.855	130.147.571.260
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	149.710.195.855	130.147.571.260

Giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp tại ngân hàng là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

5.4. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	131.371.988.799	215.274.118.480	10.228.432.316	6.495.999.806	441.195.818	363.811.735.219
Mua trong năm	-	3.181.214.182	-	105.600.000	32.500.000	3.319.314.182
Tăng khác	454.545.455	-	-	-	-	454.545.455
Số dư cuối năm	131.826.534.254	218.455.332.662	10.228.432.316	6.601.599.806	473.695.818	367.585.594.856
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	26.256.803.521	171.819.789.935	7.535.261.932	4.408.223.610	275.068.650	210.295.147.648
Khấu hao trong năm	5.785.585.979	16.728.228.072	792.301.599	1.258.658.743	103.411.455	24.668.185.848
Giảm khác	-	(647.880.134)	-	-	-	(647.880.134)
Số dư cuối năm	32.042.389.500	187.900.137.873	8.327.563.531	5.666.882.353	378.480.105	234.315.453.362
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	105.115.185.278	43.454.328.545	2.693.170.384	2.087.776.196	166.127.168	153.516.587.571
Tại ngày cuối năm	99.784.144.754	30.555.194.789	1.900.868.785	934.717.453	95.215.713	133.270.141.494

- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 154.619.967.556 đồng - Xem thêm mục 5.9 và mục 5.16.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 146.862.542.955 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	VND
Khoản mục	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	12.964.043.478
Thuê tài chính trong năm	16.426.535.372
Số dư cuối năm	<u>29.390.578.850</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.482.021.739
Khấu hao trong năm	3.414.135.465
Số dư cuối năm	<u>9.896.157.204</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	6.482.021.739
Tại ngày cuối năm	<u>19.494.421.646</u>

5.6. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng, tương đương 400.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ góp vốn là 1%.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	35.402.371.320	36.265.843.789
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	649.966.095	2.192.561.572
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	932.482.388	1.466.780.936
Khác	<u>136.325.893</u>	<u>222.306.392</u>
Tổng cộng	<u>37.121.145.696</u>	<u>40.147.492.689</u>

5.8. Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản đặt cọc 8% giá mua tài sản thuê tài chính với số tiền là 2.183.870.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**5.9. Vay ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	151.413.997.275	120.807.024.894
Vay dài hạn đến hạn trả	11.774.857.600	11.710.692.800
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.473.927.251	1.958.297.980
Tổng cộng	168.662.782.126	134.476.015.674

Vay ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,4%/năm đến 4,6%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.3.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16.

Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16 và mục 10.

5.10. Phải trả người bán

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	131.953.013.064	120.118.422.628
Người mua trả tiền trước	4.695.804	82.154.512
Tổng cộng	131.957.708.868	120.200.577.140

Phải trả người bán là khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.455.131.400	2.812.607.312
Thuế thu nhập cá nhân	778.595.838	3.557.821.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.654.306.531	1.559.147.208
Tổng cộng	6.888.033.769	7.929.576.378

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**5.13. Chi phí phải trả**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất và phí quản lý	8.622.091.655	6.801.458.110
Chi phí vận chuyển	2.170.000.000	2.984.000.000
Chi phí gia công	524.975.739	-
Chi phí hơi bảo hòa	-	590.351.615
Chi phí lãi vay	211.751.300	264.960.524
Chi phí khác	1.514.739.813	1.171.028.000
Tổng cộng	13.043.558.507	11.811.798.249

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.183.660	9.065.951
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	640.512.557	550.793.091
Cổ tức phải trả	175.000	175.000
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	413.530.295	485.207.888
Các khoản phải trả, phải nộp khác	203.173.892	63.302.012
Tổng cộng	1.269.575.404	1.108.543.942

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.855.549.115	14.463.258.646
Trích lập trong năm	10.101.099.283	10.727.389.989
Sử dụng trong năm	(17.030.220.497)	(14.335.099.520)
Số dư cuối năm	3.926.427.901	10.855.549.115

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**5.16. Vay và nợ dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	42.935.507.987	54.421.629.588
Nợ thuê tài chính	12.978.151.392	6.052.889.568
Tổng cộng	55.913.659.379	60.474.519.156

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 54.710.365.587 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 11.774.857.600 đồng - Xem thêm mục 5.9.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 154.619.967.556 đồng - Xem thêm mục 5.4.
- Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu và máy in Flexo Sunrise 6 màu với thời hạn 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.452.078.643 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 5.473.927.251 đồng - Xem thêm mục 5.9.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Số dư đầu năm trước	89.189.900.000	14.940.453.510	(408.640.209)	11.348.924.685	5.674.462.342	70.747.389.726	191.492.490.054	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	67.335.729.385	67.335.729.385	
Tăng khác	17.788.520.000	-	-	-	-	1.796.733.630	19.585.253.630	
Trích quỹ	-	-	-	10.100.359.408	3.366.786.469	-	13.467.145.877	
Giảm trong năm trước	-	(14.940.453.510)	-	-	(182.672.490)	(37.836.956.241)	(52.960.082.241)	
Số dư đầu năm nay	106.978.420.000	-	(408.640.209)	21.449.284.093	8.858.576.321	102.042.896.500	238.920.536.705	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	64.318.811.801	64.318.811.801	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	
Trích quỹ	-	-	-	9.647.821.770	1.839.265.679	-	11.487.087.449	
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	(43.262.587.350)	(43.262.587.350)	
Số dư cuối năm nay	106.978.420.000	-	(408.640.209)	31.097.105.863	10.697.842.000	123.099.120.951	271.463.848.605	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	57.336.610.000	54%	57.336.610.000	54%
Các cổ đông khác	49.641.810.000	46%	49.641.810.000	46%
Tổng cộng	106.978.420.000	100%	106.978.420.000	100%

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.17.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	21.347.084.000	8.894.690.000
+ Cổ tức năm 2013	10.673.542.000	8.894.690.000
+ Cổ tức năm 2014	10.673.542.000	-

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần XI năm 2013 ngày 21 tháng 03 năm 2014:

- Cổ tức năm 2013 là 20%/mệnh giá cổ phần. Trong năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% và chi trả 10% trong năm 2014.
- Cổ tức năm 2014 dự kiến được chia với tỷ lệ từ 20%/mệnh giá cổ phần trở lên, và sẽ được công bố sau khi tổ chức đại hội cổ đông năm 2014. Trong năm 2014 Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá cổ phần.

5.17.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.697.842	10.697.842
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.697.842	10.697.842
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	24.300	24.300
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.673.542	10.673.542
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	64.318.811.801	67.335.729.385
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.697.842	9.720.586
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	6.012	6.927

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**5.17.6. Phân phối lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	102.042.896.500	70.747.389.726
Lợi nhuận sau thuế trong năm	64.318.811.801	67.335.729.385
Tăng khác	1.554.308.702	1.796.733.630
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(9.647.821.770)	(10.100.359.408)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(1.839.265.679)	(3.366.786.469)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.647.821.770)	(10.100.359.408)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(453.277.513)	(627.030.581)
Chia cổ tức	(21.347.084.000)	(8.894.690.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(1.286.376.236)	(1.346.714.588)
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	(2.848.066.490)
Giảm khác	<u>(595.249.084)</u>	<u>(552.949.297)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>123.099.120.951</u>	<u>102.042.896.500</u>

Giảm khác là số tiền truy thu thuế TNDN năm 2013 theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước.

Tăng khác là khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản cố định và tăng giá trị tài sản thuế hoãn lại tại chi nhánh Mỹ Phước.

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm Carton	938.016.293.596	805.952.328.761
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	163.532.082.244	172.191.878.870
Doanh thu bán hàng khác	29.191.351.142	25.251.370.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	(38.585.826)	(22.948.525)
Doanh thu thuần	1.130.701.141.156	1.003.372.629.606

Trong đó, doanh thu bán sản phẩm cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ với số tiền là 8.194.644.020 đồng - Xem thêm mục 8.

6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.994.339.185	881.119.239
Lãi cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ vay - Xem thêm mục 8	935.054.168	612.729.167
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.281.508	208.052.243
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	354.588.331
Khác	-	400.000.000
Tổng cộng	4.050.674.861	2.456.488.980

6.4. Chi phí tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	11.648.613.907	12.546.489.124
Chi phí lãi vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ - Xem thêm mục 8	-	923.305.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.108.143.143	986.950.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	281.359.505	-
Tổng cộng	13.038.116.555	14.456.745.180

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	22.551.872.624	19.662.393.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.988.170.285	24.615.577.380
Chi phí bằng tiền khác	7.285.578.744	7.709.300.827
Tổng cộng	56.825.621.653	51.987.271.458

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.807.704.958	7.625.520.098
Chi phí vật liệu quản lý	122.314.150	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	459.390.577	701.421.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.286.227	862.947.491
Thuế, phí, lệ phí	116.661.910	185.143.432
Chi phí dự phòng	35.485.016	(133.622.746)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.695.055	987.649.679
Chi phí bằng tiền khác	5.403.854.334	5.144.996.115
Tổng cộng	15.469.392.227	15.374.055.553

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán phế liệu	316.592.094	516.856.876
Thu bồi thường	198.927.218	346.725.511
Hoàn nhập quyết toán thuế TNCN NVKD năm 2013	1.407.326.752	-
Thu nhập khác	936.421.373	1.049.741.264
Tổng cộng	2.859.267.437	1.913.323.651

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**6.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	
	Năm này	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	75.408.798.022	70.063.895.773
Lợi nhuận kế toán Chi nhánh Mỹ Phước	(11.440.775.912)	16.727.372.880
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.498.240.455	4.528.961.411
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(429.094.353)
Trừ thu nhập khác	(7.141.947.131)	(532.425.318)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	59.324.315.434	90.358.710.393
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.898.647.315	13.553.806.560
Trừ thuế TNDN được giảm (50%)	-	(6.776.903.280)
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập khác	1.571.228.369	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	10.469.875.684	6.776.903.280

Khoản lãi phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước không tính thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển lỗ từ các năm trước của chi nhánh và được trừ khỏi lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm.

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ và thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN**6.9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Lỗ tính thuế chưa sử dụng	Chi phí trích trước	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Hạch toán tăng lợi nhuận từ thuế TNDN hoãn lại năm 2012	1.796.733.630	-	1.796.733.630
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2013	4.048.736.891	-	4.048.736.891
Số dư đầu năm nay	5.845.470.521	-	5.845.470.521
Hạch toán giảm lợi nhuận từ chênh lệch thuế suất TNDN hoãn lại năm 2012 và 2013	(701.456.463)	-	(701.456.463)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2014	(2.516.970.701)	1.896.860.164	(620.110.537)
Hạch toán giảm lợi nhuận trong năm 2013	1.637.195.997	-	1.637.195.997
Số dư cuối năm	4.264.239.354	1.896.860.164	6.161.099.518

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	854.650.542.427	704.786.673.139
Chi phí nhân công	93.092.018.796	89.844.967.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.082.321.313	53.541.134.194
Chi phí dự phòng	35.485.016	(133.622.746)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.037.803.065	49.086.183.066
Chi phí bằng tiền khác	25.076.901.950	40.873.239.654
Tổng cộng	1.049.975.072.567	937.998.575.018

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Đồng Nai
- Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Đơn vị tính: triệu đồng							
Doanh thu Công ty								
Từ khách hàng bên ngoài	1.014.162	931.761	116.539	71.612	-	-	1.130.701	1.003.373
Giữa các bộ phận	143.061	75.450	290.894	172.988	(433.955)	(248.438)	-	-
Tổng cộng	1.157.223	1.007.211	407.433	244.600	(433.955)	(248.438)	1.130.701	1.003.373
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Công ty								
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính	64.289	98.581	18.363	(16.962)	-	-	82.652	81.619
Thu nhập tài chính							4.051	2.456
Chi phí tài chính							(13.038)	(14.457)
Lợi nhuận khác							1.744	446
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(11.090)	(2.728)
Lợi nhuận Công ty sau thuế							64.319	67.336

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIỂN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

Các thông tin khác

Các thông tin khác	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng		Đơn vị tính: triệu đồng
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Tài sản của bộ phận	642.925	596.386	231.923	222.006	(205.462)	(207.520)	669.385	610.872	
Nợ phải trả của bộ phận	353.975	334.084	64.134	58.671	(20.187)	(20.803)	397.921	371.952	
									Đơn vị tính: triệu đồng
	Hồ Chí Minh		Khác		Loại trừ		Tổng cộng		

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề sản xuất bao bì từ giấy, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Các bên liên quanMối quan hệ

Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai

Công ty mẹ

Ông Lê Quốc Tuyền

Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai		
<i>Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.2</i>	494.779.010	83.932.442

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai		
<i>Doanh thu bán hàng - Xem thêm mục 6.1</i>	8.194.644.020	10.671.155.090
<i>Lãi cho vay - Xem thêm mục 6.3</i>	935.054.168	612.729.167

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.286.376.236	1.346.714.588
Thu nhập của Giám đốc	832.293.247	756.512.099
Tổng cộng	2.118.669.483	2.103.226.687

9. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy móc và thiết bị	4.013.800.000	162.386.000

10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu và máy in Flexo Sunrise 6 màu với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống - Xem thêm mục 5.9	5.473.927.251	1.958.297.980
Trên 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.16	12.978.151.392	6.052.889.568
Tổng cộng	18.452.078.643	8.011.187.548

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.18.

▪ Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.194.459.355	73.767.750.198
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.498.843.964	193.434.305.189
Đầu tư dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	2.195.970.000	1.098.506.000
Tổng cộng	319.889.273.319	272.300.561.387
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	224.576.441.505	194.950.534.830
Phải trả người bán	131.953.013.064	120.118.422.628
Chi phí phải trả	13.043.558.507	11.811.798.249
Tổng cộng	369.573.013.076	326.880.755.707

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	3.480.104,50	4.788.273,80	105.802,31	141.732,85
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	949,84	949,84

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	131.953.013.064	-	131.953.013.064
Chi phí phải trả	13.043.558.507	-	13.043.558.507
Các khoản vay	168.662.782.126	55.913.659.379	224.576.441.505

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	120.118.422.628	-	120.118.422.628
Chi phí phải trả	11.811.798.249	-	11.811.798.249
Các khoản vay	134.476.015.674	60.474.519.156	194.950.534.830

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.498.843.964	-	231.498.843.964
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	2.195.970.000	2.195.970.000

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	193.434.305.189	-	193.434.305.189
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.098.506.000	1.098.506.000

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 02 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG



GIÁM ĐỐC

LÊ QUỐC TUYỀN

Phu lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014

1. Phải thu khách hàng:

	Số tiền
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	45.242.957.489
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	19.062.624.110
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	13.029.761.382
Công ty Pepsico Việt Nam	9.825.314.131
Công ty TNHH NGK Coca - Cola Việt Nam	9.813.255.628
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	9.457.609.376
Công ty Cổ phần Uniben	6.474.097.703
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	5.915.234.549
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	4.827.456.664
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Cần Thơ	4.753.227.804
Công ty TNHH NGK Coca - Cola Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.116.093.300
Khác	99.045.325.024
Cộng	<u>231.562.957.160</u>

2. Phải trả người bán:

	Số tiền
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	39.057.119.405
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	40.540.423.991
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	23.705.727.650
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	5.897.492.316
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	2.789.954.090
Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Khí Năng Lượng Môi Trường Đại Phát	1.822.758.577
Khác	18.139.537.035
Cộng	<u>131.953.013.064</u>



XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA



LÊ QUỐC TUYÊN

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại: (84 – 061) 3 836 121 – 3 836 122

Fax: (84 – 061) 3 832 939